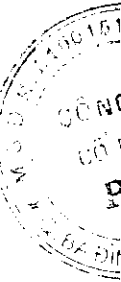


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Hà Nội, tháng 3 năm 2018



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Lịch sử hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
4. Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý	6
5. Định hướng phát triển	7
6. Các rủi ro	7
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017	8
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình kinh doanh và tình hình tài chính	8
2. Tình hình hoạt động của các công ty con	10
3. Quan hệ cổ đông	16
4. Tổ chức và nhân sự	19
5. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty	24
III. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	25
1. Hội đồng quản trị	25
2. Ban kiểm soát	28
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	29

I - THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần PVI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100151161
- Vốn điều lệ: 2.342 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 6.832 tỷ đồng
- Địa chỉ: 154 Nguyễn Thái Học, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại: (84-24) 37342299
- Số fax: (84-24) 37342929
- Website: www.pvi.com.vn
- Mã cổ phiếu: PVI

2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thành lập năm 1996, Công ty Bảo hiểm Dầu khí (PVI) phát triển từ một công ty bảo hiểm thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - PVN) trở thành nhà bảo hiểm công nghiệp số 1 Việt Nam, dẫn đầu trong các lĩnh vực trọng yếu của thị trường bảo hiểm như Năng lượng (chiếm thị phần tuyệt đối), Hàng hải, Tài sản – Kỹ thuật....

Trong 5 năm đầu thành lập, PVI đã duy trì và củng cố hoạt động của mình với tổng doanh thu đạt 516 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước trên 48 tỷ đồng và 30 tỷ đồng lợi nhuận, đây là giai đoạn Công ty tập trung gây dựng cơ sở vật chất và đào tạo đội ngũ nhân viên của mình.

Năm 2001, PVI đã khẳng định được vị thế của mình: doanh thu đạt 187 tỷ đồng tăng 167% so với năm 2000, các nhà bảo hiểm và môi giới Quốc tế nhìn nhận vai trò chủ đạo của PVI trên thị trường bảo hiểm năng lượng Việt Nam. Năm 2002, PVI đã tận dụng lợi thế thương hiệu và năng lực tài chính của mình để vươn lên thống lĩnh thị trường ở lĩnh vực bảo hiểm hàng hải và xây dựng lắp đặt.

Từ năm 2005, PVI đã có những bước trưởng thành quan trọng về cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho các dự án dầu khí lớn tại nước ngoài và tăng cường nhận tái bảo hiểm từ Triều Tiên, Trung Quốc... Từ đó PVI thành lập các chi nhánh khu vực và phát triển mạng lưới đại lý chuyên nghiệp trên khắp các tỉnh thành trong cả nước.

Năm 2006, PVI đã đánh dấu chặng đường 10 năm hình thành và phát triển bằng sự kiện đạt doanh thu 1.000 tỷ vào ngày 26/9/2006 cùng với việc vốn và tài sản được nâng lên đáng kể. Tháng 9/2006, Bộ Công nghiệp và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã có Quyết định cổ phần hóa PVI với mục tiêu tăng cường năng lực cạnh tranh và xây dựng PVI trở thành một Tổng công ty cổ phần mạnh trong định chế Bảo hiểm - Tài chính của Tập đoàn. Ngày 12/4/2007 là ngày Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam chính thức ra mắt, đánh dấu sự chuyển mình cho những thành công rực rỡ tiếp theo.

Năm 2007 là năm đầu tiên PVI chuyển đổi hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang mô hình Tổng công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Tuy nhiên PVI đã thể hiện bản lĩnh vững vàng thể hiện qua việc thích ứng nhanh chóng với cơ chế quản lý mới, doanh thu đạt 1.997 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 250 tỷ đồng. Mặc dù phải đối mặt với ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn thế giới, PVI đã vượt qua khó khăn với mức doanh thu đạt 2.694 tỷ đồng vào năm 2008.

Năm 2009, PVI đã chinh phục cột mốc 3.000 tỷ đồng vào giữa tháng 11. PVI đạt được mức doanh thu ấn tượng là 3.566 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng doanh thu là 30,5% so với năm 2008. Tốc độ tăng trưởng doanh thu bảo hiểm gốc cũng đạt tận 37,1%, đồng thời là doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao nhất thị trường bảo hiểm Việt Nam. Năm 2010, khủng hoảng kinh tế toàn cầu dần qua đi, nền kinh tế Việt Nam đã có sự phục hồi nhanh chóng, Đây cũng là thời điểm thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng mạnh với tổng doanh thu 17.072 tỷ đồng, tăng trưởng 25% so với năm 2009.

Năm 2011 ghi một dấu mốc đặc biệt trong lịch sử phát triển của PVI Holdings: Đạt doanh thu cao nhất từ trước đến nay, tái cấu trúc thành công hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và được đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động... Lần đầu tiên, PVI đã đạt doanh thu trên 5.200 tỷ đồng, tăng trưởng trên 15% so với năm 2010. Năm 2011, PVI nộp ngân sách nhà nước trên 440 tỷ đồng, tăng 47% so với năm trước. PVI tiếp tục được xem là nhà bảo hiểm công nghiệp hàng đầu tại thị trường bảo hiểm Việt Nam và duy trì tốc độ phát triển cao nhất, vượt xa các công ty bảo hiểm khác trên thị trường.

Năm 2012, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life do PVI sở hữu 51% vốn điều lệ được thành lập. Cũng trong năm 2012, PVI tăng vốn điều lệ lên 2.342 tỷ đồng thông qua hoạt động phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược hiện hữu Tập đoàn Talanx (Đức).

Năm 2013, Công ty Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) đã hoàn thành chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần, trở thành Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. PVI Re có vốn điều lệ 668 tỷ đồng, trong đó 68,86% vốn thuộc về PVI. PVI đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý Huân chương Độc lập Hạng Ba trong năm 2013.

Năm 2014, lần đầu tiên Bảo hiểm PVI giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam trong suốt năm. Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life cũng giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm nhân thọ về Hưu trí tự nguyện trong năm 2014 kể từ khi ra mắt sản phẩm này vào tháng 4/2014. Các kết quả trên cùng sự kiện khánh thành Tòa nhà PVI đánh dấu những bước phát triển mới của PVI, khẳng định tầm vóc của một Định chế Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

Năm 2015, Công ty mẹ tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo chiều sâu theo các chuẩn mực quốc tế, thực sự đóng vai trò kiến tạo và điều hành chiến lược phát triển toàn bộ hệ thống PVI. Tổng công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance) năm thứ hai liên tiếp giữ vị trí giữ vị trí số 1 trên thị trường và đã vượt xa vị trí số 2. Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) kinh doanh hiệu quả, thực sự khẳng định vai trò dẫn dắt thị trường tái bảo hiểm. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ PVI Sun Life (PVI Sun Life) tiếp tục giữ vị trí số 1 thị trường bảo hiểm nhân thọ về sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện. Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM) thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý tài sản và danh mục đầu tư cho toàn hệ thống.

Năm 2016, PVI hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao với kết quả phần lớn lợi nhuận là từ hoạt động đầu tư hiệu quả. Đây là năm điểm sáng trong hoạt động đầu tư tài chính của PVI Holdings với mức lợi nhuận hơn 200% so với kế hoạch. Không chỉ tập trung mở rộng hoạt động kinh doanh bảo hiểm – tái bảo hiểm, PVI tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư một cách hiệu quả, xây dựng chiến lược chuỗi giá trị tạo giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Với sự ra đời của Công ty cổ phần Phát triển Tài sản Việt Nam (VAD), PVI đã trở thành một định chế tài chính – bảo hiểm hoàn chỉnh với các trụ cột chính, bao gồm: bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, đầu tư và phát triển tài sản.

Năm 2017 tiếp tục là một năm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ đề ra của PVI. Trong năm này, PVI đã tiếp tục thực hiện tốt vai trò quản lý rủi ro và cung cấp bảo hiểm cho mọi hoạt động, tài sản, con người trong và ngoài lĩnh vực dầu khí một cách an toàn, hiệu quả; tiếp tục giữ vững và duy trì vị trí số 1 thị trường trong lĩnh vực Bảo hiểm phi nhân thọ về bảo hiểm công nghiệp và hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ; tiếp tục phát triển đúng định hướng, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch và thực hiện thu xếp hiệu quả các chương trình TBH cho thị trường Bảo hiểm Việt Nam; Hoạt động đầu tư đã dần trở thành nguồn lợi chính cho hệ thống PVI, góp phần gia tăng giá trị cho khối tài sản PVI. 2017 cũng là năm PVI tiếp tục xây dựng hệ thống quản trị minh bạch, tăng cường kiểm tra tuân thủ, quản trị rủi ro trong hệ thống cũng như tiếp tục hoàn thiện và triển khai chiến lược quản lý và phát triển nguồn nhân lực toàn PVI giai đoạn 2016-2020. PVI luôn chủ động và chuẩn bị triển khai thực hiện tái cơ cấu PVI theo chỉ đạo, hướng dẫn của Tập đoàn và Chính phủ.

Năm 2017, với những thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh thương hiệu PVI tiếp tục phát triển mạnh mẽ và được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước

công nhận. PVI được vinh danh trong danh sách “30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2016-2017” do Sở GD&ĐT Hà Nội (HNX) bình chọn; được tạp chí Forbes danh tiếng thế giới phiên bản tiếng Việt bình chọn trong danh sách “50 công ty niêm yết tốt nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam 2017” và danh sách “40 thương hiệu công ty giá trị nhất Việt Nam 2017”.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

– Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ và các công ty con:

- Hoạt động nắm giữ tài sản
- Kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm
- Hoạt động dịch vụ Tài chính
- Kinh doanh bất động sản

– Địa bàn kinh doanh: Hoạt động trên toàn quốc và các thị trường quốc tế

4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

4.1. Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức: Phụ lục 01 đính kèm theo đây.

4.2. Thông tin cơ bản về các công ty con

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của PVI Holdings (31/12/2017)
1	Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Tầng 24 Tòa nhà PVI Tower, Lô VP2 Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Bảo hiểm phi nhân thọ	2.600 tỷ đồng	100%
2	Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Tầng 25 Tòa nhà PVI, Lô VP2 Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Tái bảo hiểm	668 tỷ đồng	68,86%
3	Công ty cổ phần Quản lý quỹ PVI	Tầng 25 Tòa nhà PVI Tower, Lô VP2 Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư và danh mục chứng khoán; Tư vấn đầu tư	50 tỷ đồng	35%

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

❖ **Tầm nhìn chiến lược:**

Xây dựng và phát triển PVI trở thành một định chế Tài chính – Bảo hiểm vững mạnh chuyên nghiệp trên thị trường Việt Nam, có thương hiệu quốc tế uy tín, chất lượng dịch vụ hàng đầu và duy trì sự phát triển bền vững.

❖ **Chiến lược phát triển trung hạn:**

- Xây dựng PVI trở thành một định chế Tài chính – Bảo hiểm mạnh, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, tối ưu hóa việc sử dụng mọi nguồn lực sẵn có, xã hội hóa, thu hút đầu tư trong và ngoài nước.
- Hoàn thành tái cơ cấu để PVI tiếp tục phát triển mạnh hơn, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, nâng cao quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế cho toàn bộ hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển.

❖ **Mục tiêu 2018:**

- Tiếp tục làm tốt vai trò là nhà quản lý rủi ro và cung cấp bảo hiểm cho mọi hoạt động, tài sản, con người trong và ngoài lĩnh vực dầu khí.
- Giữ vững vai trò là nhà Bảo hiểm số 1 Việt Nam với mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc giữ vững vị trí số 1 thị trường về hiệu quả nghiệp vụ và tiếp tục dẫn dắt thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam.
- Tối đa hóa lợi nhuận qua hoạt động thu xếp tái bảo hiểm;
- Đầu tư, quản lý quỹ cẩn trọng, đảm bảo hiệu quả và nâng cao giá trị cho toàn hệ thống và các khách hàng.
- Tập trung tái cơ cấu để phát triển hiệu quả hệ thống theo đúng định hướng chiến lược.
- Nâng cao hiệu quả công tác quản trị đáp ứng theo tiêu chuẩn quốc tế và tăng cường kiểm tra giám sát tính tuân thủ hệ thống, quản trị rủi ro.

6. CÁC RỦI RO

- Nền kinh tế vĩ mô: nền kinh tế vĩ mô vẫn còn tiềm ẩn nhiều biến động và khó khăn.
- Ảnh hưởng hệ lụy từ giá dầu: Giá dầu trong năm 2017 ở mức 40USD-60USD/thùng và diễn biến tăng dần ở những tháng cuối năm. Tuy nhiên, những ảnh hưởng



kéo dài từ giá dầu thấp trong hơn 4 năm qua đã tiếp tục tạo ra nhiều khó khăn, thách thức cho hoạt động của lĩnh vực dầu khí nói chung và làm suy giảm trực tiếp đến doanh thu bảo hiểm công nghiệp truyền thống của PVI.

- Lãi suất huy động: năm 2017, lãi suất luôn giữ ở mức ổn định, nhưng vẫn ở mức thấp từ 5-6%, ảnh hưởng đến việc đẩy mạnh hoạt động đầu tư của hệ thống PVI.
- Thị trường Bảo hiểm PNT Việt Nam: Năm 2017, thị trường BH PNT tăng trưởng ở mức thấp trên 10%, trong khi vấn đề trực lợi bảo hiểm và cạnh tranh không lành mạnh vẫn đang có xu hướng tăng cao, kéo theo tỷ lệ tổn thất tăng lên, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các Doanh nghiệp Bảo hiểm và áp lực cạnh tranh.
- Sự biến đổi khí hậu kéo theo gia tăng tổn thất trên thị trường bảo hiểm trong và ngoài nước. Điều này đã gây áp lực lớn cho TBH PVI khi cần nâng cao hiệu quả thu xếp TBH cho toàn bộ hệ thống.

II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1.1. Tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính

1.1.1 Danh sách Ban Tổng giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (31/12/2017)	Tỷ lệ
1	Bùi Vạn Thuận	Tổng giám đốc	88.188	0,04%
2	Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng giám đốc thường trực	0	0%
3	Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng giám đốc	0	0%
4	Phạm Anh Đức	Phó Tổng giám đốc	34.238	0,01%
5	Trương Quốc Lâm	Phó Tổng giám đốc	98	0%
6	Nguyễn Ngọc Minh (Thôi giữ chức vụ PTGD từ 16/10/2017)	Phó Tổng giám đốc	0	0%
7	Vũ Văn Thắng	Phó Tổng giám đốc	0	0%
8	Trần Duy Cường	Kế toán trưởng	0	0%

1.1.2 Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh

Năm 2017, với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, vượt qua những khó khăn, biến động, nền kinh tế Việt Nam đã đạt tăng trưởng 6,81%, hoàn thành vượt mức ngoài dự báo. Tuy nhiên thị trường vẫn còn rất nhiều khó khăn tiềm ẩn.

Ảnh hưởng bốn năm liên tiếp từ giá dầu giảm sâu, duy trì ở mức thấp đã tạo ra nhiều khó khăn cho các hoạt động của Lĩnh vực dầu khí và tác động trực tiếp đến lĩnh vực bảo hiểm công nghiệp truyền thống của PVI.

Xác định rõ những khó khăn, thách thức trên, ngay từ cuối năm 2016, Ban Lãnh đạo PVI đã đưa ra định hướng phát triển và quyết liệt triển khai các giải pháp một cách đồng bộ, kịp thời để thực hiện thành công kế hoạch kinh doanh 2017.

1.1.3 Kết quả kinh doanh hợp nhất:

- Tổng doanh thu đạt 9.029 tỷ đồng, hoàn thành 104% kế hoạch năm 2017;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 683 tỷ đồng, hoàn thành 118% kế hoạch năm 2017;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 540 tỷ đồng, hoàn thành 119% kế hoạch năm 2017;

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017
Tổng tài sản	19.626,54
Doanh thu thuần	5.500,09
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	678,289
Lợi nhuận khác	5,18
Lợi nhuận trước thuế	683,47
Lợi nhuận sau thuế	539,59

1.1.4 Kết quả kinh doanh Công ty Mẹ

- Tổng doanh thu đạt 762 tỷ đồng, hoàn thành 128% kế hoạch năm 2017;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 487 tỷ đồng, hoàn thành 157% kế hoạch năm 2017;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 475 tỷ đồng, hoàn thành 153% kế hoạch năm 2017;

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017
Tổng tài sản	6.699,57
Doanh thu thuần	762,02
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	481,65
Lợi nhuận khác	5,28
Lợi nhuận trước thuế	486,93
Lợi nhuận sau thuế	475,36

1.2. Các thành tích tiêu biểu trong năm 2017

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017 trong bối cảnh khó khăn chung, góp phần tạo nguồn lực cho việc triển khai kế hoạch 2018 và giai đoạn 2016-2020.
- Xây dựng hệ thống quản trị minh bạch: Thường xuyên triển khai kiểm tra kiểm soát trong toàn hệ thống; Hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015.
- Trong lĩnh vực Bảo hiểm phi nhân thọ: Giữ vững và Duy trì vị trí số 1 thị trường về bảo hiểm công nghiệp và hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ. Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý rủi ro và cung cấp bảo hiểm cho mọi hoạt động, tài sản, con người trong và ngoài lĩnh vực dầu khí một cách an toàn, hiệu quả. Giải quyết bồi thường nhanh chóng, kịp thời các tổn thất tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ổn định sản xuất.
- Trong lĩnh vực tái bảo hiểm: tiếp tục phát triển đúng định hướng, thu xếp hiệu quả các chương trình tái bảo hiểm cho thị trường bảo hiểm Việt Nam.
- Trong lĩnh vực hoạt động đầu tư, quản lý tài sản: Hoạt động đầu tư chuyên nghiệp, bài bản, đã trở thành nguồn lợi chính cho toàn hệ thống PVI và góp phần an toàn nguồn vốn, tài sản của toàn hệ thống trong bối cảnh thị trường tài chính nhiều rủi ro.
- Chủ động chuẩn bị triển khai thực hiện tái cơ cấu PVI theo chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ.
- Hoàn thiện và Triển khai chiến lược quản lý và phát triển nguồn nhân lực toàn PVI giai đoạn 2016-2020.
- Thương hiệu của PVI tiếp tục được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao: là 1 trong top 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2016-2017; Là một trong 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam và một trong 40 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam do Forbes Việt Nam bình chọn...

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON

2.1. TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI (BẢO HIỂM PVI)

2.1.1 Hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính trong năm 2017

Phát triển chiều sâu, nâng cao hiệu quả kinh doanh

Năm 2017, hoạt động kinh doanh của Bảo hiểm PVI chú trọng việc tăng trưởng đi đôi với phát triển theo chiều sâu với việc hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch do

PVI Holdings giao. Đặc biệt, Lãi nghiệp vụ của Công ty trong những năm qua luôn cao nhất thị trường và là một trong số ít các DNBH luôn có lãi nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm. Kết quả các chỉ tiêu cụ thể trong năm 2017 như sau:

- Tổng doanh thu đạt hơn 8.200 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2017 và tăng trưởng 3,8% so với năm 2016. Trong đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm gần 7.850 tỷ đồng và doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính đạt 365 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 451 tỷ đồng, tăng hơn 3 lần so với năm 2016, trong đó lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 167 tỷ đồng, tăng trưởng là 55%.
- Nộp ngân sách Nhà nước hơn 400 tỷ đồng.

Bảo hiểm PVI tiếp tục song hành cùng Ngành Dầu khí trên mọi chặng đường, đảm bảo giữ vững uy tín và vị thế là nhà bảo hiểm duy nhất tại Việt Nam thu xếp bảo hiểm cho toàn bộ các dự án tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí trong nước cũng như các dự án dầu khí PVN đầu tư tại nước ngoài đồng thời giải quyết nhanh chóng công tác chi trả bồi thường cho các khách hàng trong lĩnh vực Dầu khí – Năng lượng.

Bên cạnh đó, Bảo hiểm PVI cũng đẩy mạnh triển khai các dự án lớn ngoài lĩnh vực Dầu khí – Năng lượng, khẳng định vị thế bảo hiểm công nghiệp số 1 Việt Nam, cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho các nhà đầu tư nước ngoài như Samsung, Gain Lucky Vietnam, VRG Dongwha hay các dự án trọng điểm Quốc gia có giá trị bảo hiểm lớn như Nhà máy Nhiệt điện Hải Dương, Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 2.2; tuyến đường sắt đô thị Hà Nội, Nhà máy thép Hòa phát Dung Quất,...

Chú trọng phát triển kênh phân phối, hoàn thiện mô hình quản trị bán lẻ

Nổi bật trong năm 2017 không chỉ từ những con số kinh doanh, mà dấu ấn quan trọng của Bảo hiểm PVI chính là sự thay đổi trong công tác phát triển kênh phân phối và quản trị - tuân thủ:

- Hoàn thiện mô hình quản trị hệ thống bán lẻ nhằm bám sát công tác khai thác tại từng địa bàn, tăng cường công tác tuân thủ toàn hệ thống.
- Chuẩn hóa mô hình hoạt động của hai Văn phòng đại diện Chăm sóc Khách hàng phía Bắc và phía Nam nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác giải quyết khiếu nại. Việc này giúp công tác giải quyết chi trả bảo hiểm cho Khách hàng được nhanh chóng và chính xác hơn, về phía Công ty cũng kiểm soát được tỷ lệ bồi thường hai nghiệp vụ Xe cơ giới và Con người.
- Triển khai mạnh mẽ hệ thống bảo hiểm liên kết: ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động bán chéo. Năm 2017 là năm thành công trong xây dựng sự đa dạng của sản phẩm bảo hiểm và kênh phân phối mới của Bảo hiểm PVI. Việc khai thác qua hệ thống Bancassurance được triển khai sâu hơn vào các ngân hàng đã ký hợp tác

như VP Bank, Techcombank, Vietcombank, MaritimeBank, ACB, HDBank,... Trong công tác bán chéo sản phẩm, Bảo hiểm PVI cũng đã hợp tác với Vietnam Airline cung cấp sản phẩm bảo hiểm du lịch toàn diện Tripcare, bán bảo hiểm qua các website của Mobiphone, Vinaphone, Viettel Post,...

- Trong việc mở rộng mạng lưới kinh doanh, Bảo hiểm PVI đã thành lập thêm 03 đơn vị mới tại Bảo hiểm PVI Quảng Bình, PVI Quảng Nam và PVI Cửu Long nâng tổng số Đơn vị thành viên của Công ty lên 33, con số này sẽ tiếp tục tăng trong năm 2018 khi định hướng phát triển bán lẻ, nâng cao chất lượng dịch vụ được đặt lên hàng đầu.

2.1.2 Nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2018

Kết thúc năm 2017, Bảo hiểm PVI tiếp tục được ghi nhận là một năm thành công với sự phát triển bền vững, chú trọng đi vào chiều sâu vào chất lượng dịch vụ. Mục tiêu năm 2018, Bảo hiểm PVI tiếp tục duy trì phát triển quy mô song hành với hiệu quả, cụ thể:

Thứ nhất, giữ vững vị thế nhà bảo hiểm Công nghiệp số 1 thị trường và phát triển mạng lưới bán lẻ trên nguyên tắc hiệu quả.

Thứ hai, duy trì và phấn đấu nâng hạng tín nhiệm tài chính quốc tế theo tiêu chuẩn của A.M Best;

Thứ ba, nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua hoạt động của hai Văn phòng đại diện Chăm sóc Khách hàng, hướng đến dịch vụ Khách hàng với chất lượng tốt nhất, nhanh chóng nhất;

Thứ tư, đẩy mạnh công tác quản trị và tuân thủ, đây cũng là công việc để đảm bảo quyền lợi, chất lượng dịch vụ hậu mãi cho khách hàng đồng thời đem lại hiệu quả kinh doanh cho toàn hệ thống;

Thứ năm, tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và kinh doanh.

Cuối cùng, nâng cao thu nhập người lao động, xây dựng một chế độ đãi ngộ phù hợp để có một đội ngũ nhân lực tinh gọn, đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp cũng là một nhiệm vụ ưu tiên trong năm 2018.

2.2. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI (PVI RE)

2.2.1 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017

Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) là công ty con của công ty CP PVI (sở hữu 68,86% vốn), được thành lập theo Giấy phép số 66GP/KDBH ngày 20/07/2011 và được cổ phần hóa theo Giấy phép số 86GP/KDBH ngày 01/10/2013 của Bộ Tài chính.

Là một trong hai công ty hoạt động trong lĩnh vực tái bảo hiểm tại Việt Nam, PVI Re phấn đấu trở thành nhà tái bảo hiểm hàng đầu khu vực, duy trì sự phát triển nhanh và

bền vững. PVI Re đã tận dụng lợi thế là các nguồn lực sẵn có được kế thừa từ truyền thống 20 năm liên tục phát triển của hệ thống PVI để cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp cho khách hàng; Liên tục cải thiện quy trình kinh doanh bằng cách tận dụng lợi thế của tiến bộ về công nghệ thông tin; Động viên nhân viên thông qua đào tạo, trao quyền và hỗ trợ môi trường làm việc; Tăng cường năng lực tài chính của công ty thông qua các hoạt động nghiệp vụ nhằm đem lại lợi ích của các bên liên quan.

Qua sáu năm hoạt động, công ty vươn mình phát triển và đã liên tiếp đạt tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, hiệu quả hoạt động kinh doanh năm sau cao hơn năm trước, giữ vững xếp hạng tín nhiệm quốc tế B+ (Tốt) và triển vọng nâng hạng của tổ chức A.M. Best, cổ tức hằng năm đạt 14%.

Năm 2017, với sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của tập thể lãnh đạo và sự quyết tâm, nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, PVI Re đã thực hiện nghiêm chỉnh các định hướng chiến lược đã vạch ra và tiếp tục hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh: tổng doanh thu đạt 1.609 tỷ đồng (đạt 111,7% kế hoạch); lợi nhuận trước thuế đạt 151 tỷ đồng (đạt 101% kế hoạch).

2.2.2 Nhiệm vụ trọng tâm 2018

- Hoàn tất việc tăng vốn, đẩy mạnh tìm kiếm đối tác chiến lược, niêm yết trên sàn chứng khoán.
- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2018. Tiếp tục định hướng phát triển hiệu quả, bền vững. Tập trung đẩy mạnh phí giữ lại.
- Chi trả cổ tức năm 2018 theo phê duyệt của ĐHĐCĐ.
- Tiếp tục mở rộng và phát triển thị trường trong nước. Tăng trưởng phí nhận phát sinh trong năm. Chú trọng đánh giá hiệu quả từng hợp đồng khai thác, tăng mức giữ lại hợp lý. Tăng trưởng về lợi nhuận nghiệp vụ quy ước năm 2018 từ thị trường trong nước.
- Tiếp tục tái cấu trúc nguồn nước ngoài, tập trung tái tục các dịch vụ có hiệu quả.
- Tối đa hóa hiệu quả dòng tiền phục vụ công tác đầu tư.
- Chi phí bồi thường: mục tiêu đặt ra trong năm 2018 tỷ lệ Bồi thường/Phí giữ lại không cao hơn năm 2017.

2.3. CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PVI (PVI AM)

2.3.1 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017

- Doanh thu năm 2017 đạt 104,7 tỷ đồng, hoàn thành 312,6% kế hoạch năm 2017.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 32,9 tỷ đồng, hoàn thành 561% kế hoạch năm 2017.

- Cổ tức năm 2017 chi trả cho cổ đông dự kiến đạt tỷ lệ 40%, gấp 5 lần so với kế hoạch đã đặt ra là 8%.
- *Về công tác quản lý quỹ*: Hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận của Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (Quỹ POF), đảm bảo khả năng chi trả cổ tức năm 2017 cho các thành viên góp vốn ở mức 8,5%; Thành lập Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (Quỹ PIF) ngày 25/5/2017 với số vốn 520 tỷ đồng và đã giải ngân 100% thông qua việc tăng vốn cho Công ty cổ phần Phát triển Tài sản Việt Nam (VAD); Hiện nay, dự án Embassy Garden đang được VAD triển khai đúng tiến độ và đã hoàn thành 100% việc bán hàng, đảm bảo kế hoạch và hiệu quả kinh doanh như dự kiến.
- *Về công tác quản lý danh mục đầu tư*: Trong năm 2017, PVI AM tiếp tục nhiệm vụ chính là tư vấn & quản lý danh mục đầu tư ủy thác của PVI Holdings và Bảo hiểm PVI trong việc tái cơ cấu toàn bộ danh mục đầu tư thông qua việc thoái vốn và thu hồi công nợ. Tổng số vốn mà PVI AM đã tư vấn và thực hiện thoái vốn thành công cho PVI Holdings và Bảo hiểm PVI, đưa dòng tiền tái đầu tư trong năm 2017 là gần 450 tỷ đồng; Hoàn thành các báo cáo phân tích đánh giá chi tiết đối với từng khoản mục đầu tư trong danh mục quản lý để đưa ra ý kiến tư vấn cho khách hàng ra quyết định kịp thời trong việc giải quyết các vấn đề liên quan sát với tình hình thực tế; Nghiên cứu các sản phẩm mới để tư vấn cho khách hàng.
- *Về công tác nghiên cứu, phân tích và tư vấn*: Tích cực phối hợp, làm việc với các ngân hàng về việc bán chéo sản phẩm bảo hiểm (Bancassurance). Với sự quyết liệt từ phía Bảo hiểm PVI và nỗ lực của PVI AM, doanh số Bancassurance năm 2017 đã đạt gần 200 tỷ đồng; Bên cạnh đó, PVI AM cũng chủ động tìm kiếm, nghiên cứu phân tích và đề xuất các cơ hội đầu tư, tham gia thẩm định các cơ hội đầu tư của Quỹ POF; Mở rộng hoạt động tư vấn cho các khách hàng ngoài hệ thống PVI và tìm kiếm các cơ hội đầu tư tài chính khác...
- *Về công tác xây dựng và quản trị hệ thống*: Đưa Văn phòng đại diện PVI AM tại phía nam chính thức vào hoạt động kể từ ngày 08/11/2017 theo Quyết định số 1029/QĐ-UBCK của UBCKNN; Xây dựng mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức mới phù hợp với xu thế của thị trường và điều kiện hiện tại của PVI AM cũng như hoàn thiện chiến lược quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn 2021-2022 của PVI AM theo mô hình tổ chức mới; Rà soát và ban hành mới, chỉnh sửa bổ sung toàn bộ các quy trình hoạt động của Công ty; Hoàn thành cuộc thanh tra hoạt động của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tại PVI AM với kết luận hoạt động của PVI AM tuân thủ hoàn toàn các quy định của pháp luật, không phát sinh vấn đề khuyến nghị cần khắc phục.

2.3.2 Mục tiêu nhiệm vụ trọng tâm năm 2018

- Tối đa hóa hiệu quả hoạt động đầu tư của toàn hệ thống PVI thông qua việc giám sát công tác quản lý dòng tiền, xây dựng thêm sản phẩm đầu tư phù hợp với đặc thù kinh doanh bảo hiểm để các đơn vị thực hiện lựa chọn đầu tư.
- Đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng ngoài hệ thống.
- Nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược, kế hoạch đầu tư và bám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư của các quỹ, đảm bảo đạt tỷ suất lợi nhuận theo yêu cầu của Đại hội thành viên góp vốn quỹ.
- Triển khai hệ thống đánh giá KPI theo mô hình tổ chức mới, đảm bảo đánh giá đúng, đủ, công bằng, nâng cao trách nhiệm và tinh thần làm việc của CBNV.
- Chuẩn hóa và vận hành toàn bộ hệ thống quản lý chất lượng, quản trị nội bộ của PVI AM theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả với đội ngũ nhân sự tinh gọn có chất lượng cao phù hợp với văn hóa doanh nghiệp PVI.
- Phát triển hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin để nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng năng suất lao động cho PVI AM.
- Bảo đảm tính tuân thủ trong các hoạt động của PVI AM.

2.4. CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN TÀI SẢN VIỆT NAM (VAD)

2.4.1 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu thực hiện là 7,54 tỷ đồng, đạt 108,2% kế hoạch cả năm 2017. Tổng lợi nhuận đạt được là 0,10 tỷ đồng, vượt 3,02 tỷ đồng so với kế hoạch.
- Về tổ chức và nhân sự: Hoàn thiện bộ máy tổ chức công ty, các Ban đã phát huy được vai trò, thể hiện chuyên môn vững chắc, góp phần vào các thành tựu bước đầu của Công ty; Hoàn thiện và ban hành 12 quy trình như: Quy trình đầu tư, Quy trình tuyển dụng, Quy trình bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ, Quy trình thanh toán, Quy trình Đào tạo, Quy trình kiểm soát tài liệu,... phục vụ hoạt động của VAD; Hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu VAD; Ban hành hệ thống đánh giá hiệu quả KPI; Đẩy mạnh hoạt động đào tạo nội bộ, phát huy phong trào học tập, chia sẻ kiến thức trong công ty, nâng cao chất lượng, năng lực cán bộ; Cử nhân sự tham gia khóa đào tạo về chuẩn mực kế toán quốc tế, định giá doanh nghiệp do PVI tổ chức.
- Về tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: công tác triển khai dự án Khu nhà ở thấp tầng A1TT1 tại Khu trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây- TP. Hà Nội được thực hiện đúng tiến độ.

- Thực hiện công tác tư vấn kinh doanh cho thuê Tòa nhà PVI Tower: tổng diện tích thuê tăng thêm là 8.493 m² và tổng giá trị các hợp đồng đạt khoảng 260 tỷ đồng; thực hiện quản lý tài sản và tư vấn triển khai hoạt động xây dựng cho các công ty thuộc hệ thống PVI.
- Phát triển các dự án mới: Hợp tác với Daewoo, Vinacapital trong việc tìm kiếm, đánh giá các dự án tại Việt Nam; Tìm kiếm, tiến hành phân tích đánh giá sơ bộ hiệu quả đầu tư dự án, giới thiệu dự án để chào các Nhà đầu tư góp vốn đối với một số dự án bất động sản tại Khu trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây-TP.Hà Nội, Vân Đồn-Quảng Ninh, Quận 9-TP.Hồ Chí Minh,...

2.4.2 Mục tiêu nhiệm vụ trọng tâm năm 2018

- Tái cấu trúc nguồn vốn để tìm kiếm nguồn vốn ổn định, phù hợp với hoạt động đầu tư trung và dài hạn của VAD, đồng thời cơ cấu lại mô hình công ty theo định hướng trở thành công ty đầu tư chuyên nghiệp.
- Tập trung triển khai công tác thi công xây dựng dự án Khu nhà ở thấp tầng A1TT1 để bắt đầu bàn giao cho khách hàng trong năm 2018; Cung cấp dịch vụ hoàn thiện nội thất cho khách hàng để đưa toàn bộ dự án vào sử dụng vào năm 2019, đồng thời tăng doanh thu trong lĩnh vực xây lắp cho VAD.
- Chi trả cổ tức cho cổ đông theo phê duyệt của ĐHĐCĐ.
- Tiếp tục duy trì tối đa hiệu quả tòa nhà PVI.
- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm dự án mới. Trong năm 2018 triển khai công tác chuẩn bị đầu tư cho ít nhất một dự án để có thể khởi công thi công xây dựng dự án mới vào năm 2019.

3. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

3.1. Cổ phần

STT	Nội dung	Tại ngày 31/12/2017	Ghi chú
1	Vốn điều lệ (đồng)	2.342.418.670.000	
2	Tổng số cổ phiếu	234.241.867	
3	Số lượng cổ phiếu quỹ	11.754.600	
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	222.487.267	
5	Số lượng cổ phiếu ưu đãi/khác (nếu có)	0	

3.2. Cơ cấu cổ đông (Tại ngày 31/12/2017)

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Số lượng CP hiện tại	Tỷ lệ sở hữu CP hiện tại
1	Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam (PVN)	18 Láng Hạ, Hà Nội	Dầu khí, Đầu tư	81.978.740	35%
2	HDI-Global (Talanx)	CHLB Đức	Bảo hiểm, Tài chính	83.711.071	35,74%
3	Funderburk Lighthouse Ltd (OIF)	Oman	Quỹ Đầu tư	27.117.895	11,58%
4	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	22 Ngô Quyền, Hà Nội	Ngân hàng, Tài chính	9.557.943	4,08%
5	Khác			31.876.218	13,6%

3.2.1 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: Không có

3.2.2 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

3.2.3 Các chứng khoán khác: Không có

3.3. Hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

Với mục tiêu hệ thống quản trị hoạt động theo tiêu chuẩn quốc tế, sau khi hoàn thành tái cấu trúc doanh nghiệp, PVI luôn xác định chất lượng quan hệ cổ đông đóng một vai trò quan trọng trong chất lượng quản trị doanh nghiệp, là yếu tố hàng đầu để xây dựng hình ảnh doanh nghiệp trong mắt cổ đông, nhà đầu tư. Trong năm 2017, PVI đã thực hiện các hoạt động nhằm đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông và nhà đầu tư như sau:

Thứ nhất, PVI luôn tuân thủ quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư.

- PVI đã thực hiện đầy đủ và đúng hạn các yêu cầu công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật có liên quan; quy định của các cơ quan quản lý như Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về phát hành định kỳ Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị doanh nghiệp, Báo cáo tài chính và công bố những thông tin khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản trị công ty... giúp các nhà đầu tư có cái nhìn sâu sắc, toàn diện về doanh nghiệp.
- PVI thường xuyên cập nhật những thay đổi trong quy định pháp luật về quản trị doanh nghiệp, công bố thông tin như Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định

71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, các Quy chế của HNX, ... đồng thời tiến hành rà soát Điều lệ PVI và các quy chế, quy định nội bộ để sửa đổi và áp dụng cho phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty.

Thứ hai, PVI đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư được thực hiện đầy đủ các quyền của mình và được đối xử bình đẳng.

- Bộ phận Quan hệ cổ đông tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân giải đáp thông tin và thực hiện các thủ tục liên quan đến quyền lợi cổ đông.
- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, cổ đông được tạo điều kiện tối đa để thực hiện quyền của mình: website công ty luôn cập nhật đầy đủ thông báo, nội dung họp và các form mẫu văn bản cần thiết để cổ đông có thể dự họp trực tiếp hoặc ủy quyền; việc bầu dồn phiếu được hướng dẫn cụ thể để đảm bảo quyền của cổ đông thiểu số; Ban lãnh đạo PVI giải đáp và trao đổi thông tin với cổ đông trực tiếp tại cuộc họp...
- PVI chi trả cổ tức đầy đủ, đúng hạn, phù hợp với tình hình kinh doanh và đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Liên tục trong năm 2015 và 2016, công ty đã thực hiện chi trả mức cổ tức 20%, cao gấp 2,2 lần và 1,7 lần chỉ tiêu do ĐHCĐ giao lần lượt trong 2 năm trên.

Thứ ba, PVI ngày càng chủ động tăng cường công khai minh bạch hóa thông tin nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của cổ đông và nhà đầu tư.

- PVI luôn chủ động công bố và cập nhật thường xuyên các thông tin về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, quản trị và các thông tin có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư ... trên website chính thức của công ty cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng để cổ đông có thể nắm bắt kịp thời, chính xác các thông tin liên quan đến hoạt động của PVI.
- Chuẩn bị lộ trình triển khai việc phát hành báo cáo tài chính quốc tế IFRS phù hợp với xu hướng phát triển chung của thị trường và khuôn khổ pháp lý Việt Nam.
- Tiếp tục hoàn thiện website của công ty để đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư được tiếp cận thông tin rõ ràng, cụ thể, dễ tìm kiếm.

Ghi nhận những kết quả của PVI đã đạt được, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội liên tục vinh danh PVI là 1 trong 30 doanh nghiệp minh bạch và quản trị công ty tốt nhất từ giai đoạn năm 2013 đến nay.

Để giữ vững niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư và ngày càng nâng cao hình ảnh của PVI trên thị trường, trong thời gian tới, hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư của PVI được đẩy mạnh theo hướng ngày càng chuyên nghiệp và minh bạch về thông tin hơn. PVI

cũng tiếp tục hợp tác với cơ quan truyền thông, các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, bảo hiểm, tài chính, chứng khoán nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư.

4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Trong năm 2017, PVI tiếp tục chủ động hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp sau khi Tái cấu trúc doanh nghiệp, cụ thể như sau:

4.1. Về cơ cấu tổ chức, nhân sự:

4.1.1. Về công tác tổ chức:

❖ Công ty mẹ:

Trong năm 2017, Công ty mẹ tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo chiều sâu theo các chuẩn mực quốc tế với mô hình kiểm soát tập trung, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý rủi ro cho toàn hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty, thực hiện việc phân công công việc đến từng vị trí chức danh công việc để nâng cao vai trò trách nhiệm và hiệu quả xử lý, giải quyết công việc. Cùng với đó, Công ty mẹ tiếp tục tiến hành rà soát, triển khai Chiến lược Quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn 2022 để xây dựng nguồn nhân lực kế cận đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ trong thời gian tới cũng như phát huy vai trò kiến tạo và điều hành chiến lược phát triển toàn bộ hệ thống của Công ty mẹ.

❖ Các công ty con, công ty liên kết:

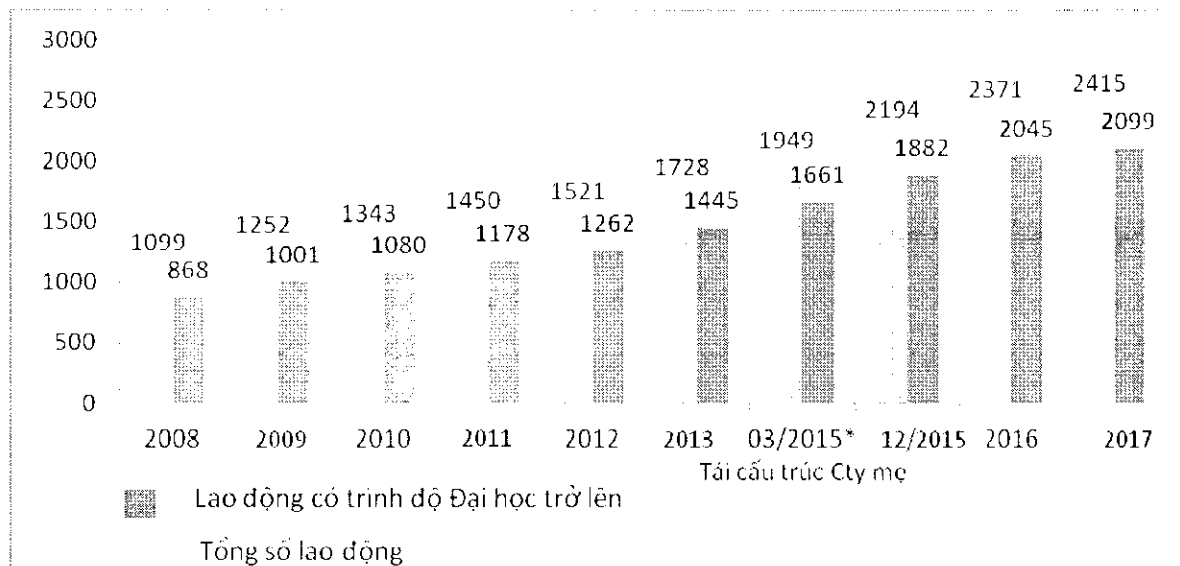
Thực hiện tái cấu trúc theo chiều sâu: Tập trung nguồn lực vào 3 lĩnh vực kinh doanh lõi: Bảo hiểm phi nhân thọ, Tái bảo hiểm, Quản lý quỹ và phát triển tài sản.

- Bảo hiểm PVI phát triển đúng định hướng phát triển quy mô song hành với hiệu quả, tiếp tục thực hiện tốt vai trò dẫn đầu về quản lý rủi ro và cung cấp bảo hiểm cho mọi hoạt động, tài sản, con người trong lĩnh vực công nghiệp một cách an toàn, hiệu quả. Bên cạnh việc phát huy lợi thế thị trường bảo hiểm công nghiệp, BH PVI đã kết hợp sức mạnh của hệ thống, dịch vụ và công nghệ để từng bước phát triển thị trường bán lẻ vững chắc. Vị trí số 1 thị trường về bảo hiểm công nghiệp cũng như hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ tiếp tục được BH PVI bảo toàn trong năm 2017.
- PVI đang tiếp tục hoàn tất việc góp vốn cho TBH PVI thêm 40 tỷ đồng, nâng số vốn điều lệ Công ty Mẹ góp cho TBH PVI lên 500 tỷ đồng.
- Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI hoạt động ổn định với mô hình đầu tư bài bản, chuyên nghiệp để đảm nhận vai trò nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư cho toàn hệ thống.

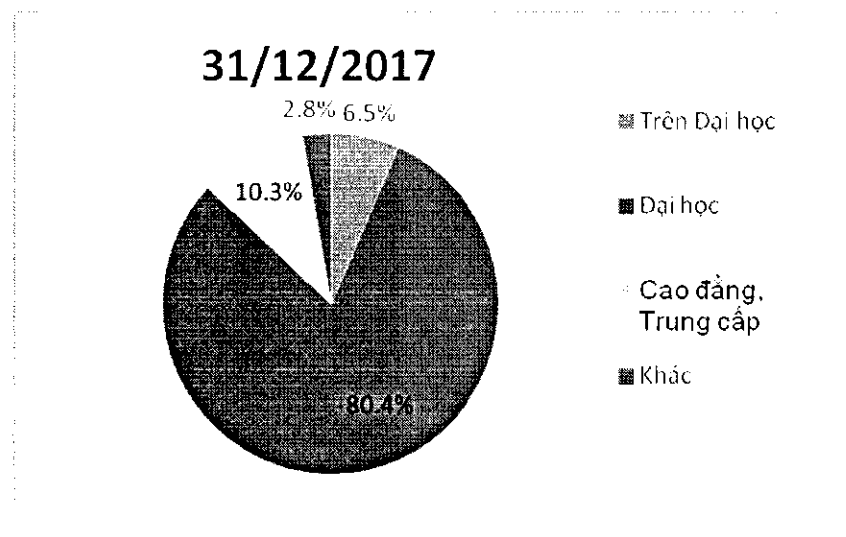
4.1.2. Về nhân sự:

Tại thời điểm 31/12/2017, tổng số lao động toàn PVI là 2415 người.

+ Biểu đồ nhân sự của PVI từ năm 2010 đến năm 2017:



Cơ cấu nhân lực theo trình độ - năm 2017



Năm 2011 tổng số lao động toàn PVI là 1450 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 100 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1318 người
- Công ty Tái bảo hiểm PVI: 32 người

Năm 2012 tổng số lao động toàn PVI là 1521 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 103 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1376 người
- Công ty Tái bảo hiểm PVI: 42 người

Năm 2013 tổng số lao động toàn PVI là 1728 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 109 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1568 người
- Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI: 51 người



Năm 2014 tổng số lao động toàn PVI là 1949 người, trong đó:

- Công ty mẹ- Công ty cổ phần PVI: 42 người (sau khi kiện toàn cơ cấu tổ chức)
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 1866 người
- Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI: 41 người

Năm 2015 tổng số lao động toàn PVI là 2194 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 43 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 2087 người
- Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI: 41 người
- Công ty CP Quản lý Quỹ PVI là: 23 người

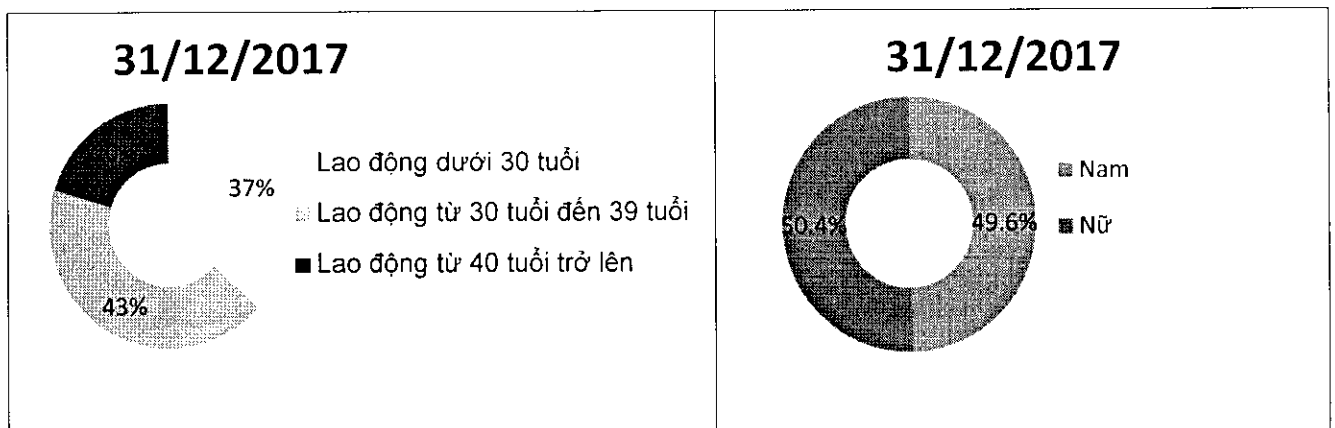
Năm 2016 tổng số lao động toàn PVI là 2371 người, trong đó:

- Công ty mẹ - Công ty CP PVI: 46 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI: 2264
- Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI: 43 người
- Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI: 18 người

Năm 2017 tổng số lao động toàn PVI là 2415 người, trong đó:

- Công ty mẹ Công ty CP PVI: 45 người
- Tổng công ty Bảo hiểm PVI là: 2310 người
- Tổng công ty CP Tái bảo hiểm PVI là: 41 người
- Công ty CP Quản lý Quỹ PVI là: 19 người

+ Cơ cấu độ tuổi lao động, giới tính:



4.2. Chính sách lao động:

Chính sách tiền lương, tiền thưởng gắn liền với hiệu quả công việc, chính sách thu hút, giữ chân nhân tài: Thực hiện chiến lược quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2021-2022; trong năm 2017 PVI tiếp tục thực hiện triển khai chính sách gắn liền thu nhập với kết quả công việc của từng cá nhân. Kết quả

đánh giá hàng năm được PVI sử dụng làm cơ sở để xem xét điều chỉnh lương chức danh và chi trả lương bổ sung, thưởng. Việc trả lương theo hiệu quả làm việc đã tạo động lực cho người lao động phát triển, cống hiến và nâng cao năng suất lao động, gắn bó lâu dài với PVI. Chính sách trả lương, thưởng của PVI luôn đảm bảo phù hợp với các quy định của Chính phủ, các cơ quan quản lý về lao động, Thỏa ước lao động tập thể và được gắn với nội dung quản lý nhân sự khác như: đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng nhằm thu hút, khuyến khích phát triển nguồn nhân lực.

Năm 2017, thu nhập của người lao động tại PVI bao gồm các khoản:

- Tiền lương: Bao gồm mức lương và phụ cấp lương được xác định theo hệ thống thang bảng lương và tiền lương theo chức danh của người lao động.
- Lương bổ sung, thưởng: Trên cơ sở đánh giá hiệu quả kinh doanh của đơn vị, quỹ lương chung và mức độ đóng góp của người lao động, PVI đã chi lương bổ sung, lương tháng 13 và thưởng cho người lao động vào các dịp lễ và cuối năm.
- Chính sách phúc lợi ưu việt, gia tăng lợi ích cho người lao động, gắn kết người lao động: Ngoài các chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật, người lao động tại PVI còn được hưởng thêm nhiều chế độ, chính sách khác như:
 - + Bảo hiểm Hưu trí tự nguyện;
 - + Bảo hiểm con người mức trách nhiệm cao (PVI Care) cho người lao động và người thân;
 - + Nghỉ mát hàng năm;
 - + Trang bị đồng phục;
 - + Khám sức khỏe định kỳ hàng năm;
 - + PVI tổ chức ăn sáng, ăn trưa cho người lao động tại bếp ăn của PVI;
 - + Hỗ trợ, thăm hỏi người lao động khi ốm đau, hiếu, hỉ...;

Tặng quà cho người lao động và tổ chức gặp mặt nhân các ngày Lễ: Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, ngày Thương binh liệt sĩ 27/7; Rằm trung thu, ngày thành lập Quân đội nhân dân 22/12...

4.3. Hoạt động đào tạo:

PVI khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi CBNV phát triển toàn diện về cả năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm không chỉ thông qua công việc, mà còn qua đào tạo, tự đào tạo và trao đổi kiến thức. Điều này được thể hiện qua việc công ty liên tục tổ chức các chương trình đào tạo thuê ngoài và tự đào tạo. Năm 2017, toàn PVI đã tổ chức 91 khóa học với sự tham gia của 3.659 lượt CBNV.

4.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong năm 2017, PVI thực hiện đúng và đầy đủ chế độ, chính sách, quy trình, công việc về môi trường lao động, môi trường sinh thái, cụ thể:

- Phân công nhiệm vụ đối với cán bộ chuyên trách về ATSKMT và PCCN theo đúng quy định của Pháp luật.
- Thực hiện báo cáo định kỳ công tác vệ sinh lao động và môi trường theo quy định.
- Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy định, quy phạm pháp luật và công tác đào tạo, huấn luyện ATSKMT và PCCN cho người lao động trong đơn vị.
- Tham mưu và tổng hợp kịp thời báo cáo về an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy cho Lãnh đạo thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.
- Chủ động làm việc với Công ty TNHH Tư vấn môi trường Hà Nội tiến hành về nghiên cứu, khảo sát đo, kiểm tra nồng độ không khí, nhiệt độ ánh sáng, tiếng ồn, nước thải sinh hoạt và chất lượng môi trường tại tòa nhà PVI Tower.
- Chủ động làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp Hà Nội cho phép tòa nhà PVI Tower được xả nước thải vào nguồn nước chung của khu vực trên cơ sở cấp “Chứng nhận Giấy phép xử nước thải vào nguồn nước” của UBND Thành phố Hà Nội.
- Tiến hành ký kết các Hợp đồng vệ sinh môi trường tòa nhà PVI Tower: Hợp đồng xử lý rác thải, Hợp đồng dịch vụ vệ sinh công nghiệp, Hợp đồng phun thuốc diệt côn trùng, Hợp đồng xử lý hệ thống nước thải, Hợp đồng xử lý chất thải rắn, Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại...
- Tiến hành kiểm định an toàn kỹ thuật đối với các thiết bị, máy móc, thiết bị PCCC tòa nhà PVI Tower đảm bảo vệ sinh môi trường lao động.
- Đảm bảo môi trường và cảnh quan xanh sạch đẹp, tổ chức phát động và hưởng ứng Tuần lễ quốc gia về an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại Tòa nhà PVI Tower.

4.5. Hoạt động Đảng – đoàn, an sinh xã hội:

Công tác Đảng và các đoàn thể chính trị xã hội của PVI đã có những bước phát triển về “chất”, kịp thời đáp ứng được với mô hình tái cấu trúc doanh nghiệp. Hoạt động của các tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên ở các cấp luôn giữ vững được vai trò, tôn chỉ mục đích của mỗi tổ chức, bám sát nhiệm vụ kinh doanh của từng đơn vị. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, Ban lãnh đạo đã phát huy được sức mạnh tổng hợp, tạo thành khối đoàn kết thống nhất từ những đảng viên, đoàn viên công đoàn, đoàn viên



thanh niên và người lao động, góp phần không nhỏ vào thành công chung của PVI, từng bước nâng cao chất lượng chính trị, đời sống văn hóa tinh thần, văn hóa doanh nghiệp.

Năm 2017, PVI tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội như: Hỗ trợ xây dựng trường mầm non tỉnh Hà Nam, hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa, hỗ trợ kinh phí thực hiện mô hình trồng dưa hấu và nuôi lợn rừng tỉnh Quảng Ngãi, ủng hộ chương trình “Nghĩa tình Hoàng Sa, Trường Sa”, hỗ trợ kinh phí giúp đỡ cán bộ chiến sỹ Bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ kinh phí cho trường học tỉnh Thái Bình, tặng quà cho gia đình khó khăn tại tỉnh Quảng Nam nhân dịp tết Nguyên đán 2017, ủng hộ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa phường Yên Hòa, Cầu Giấy, đóng góp giúp đỡ CBNV PVI bị bệnh hiểm nghèo với tổng số tiền trên 4,3 tỷ đồng.

5. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

5.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

PVI đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ:

- Kết quả kinh doanh năm 2017 hợp nhất của PVI đạt tổng doanh thu 9.029 tỷ đồng, hoàn thành 104% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế đạt 683 tỷ đồng, hoàn thành 118% kế hoạch năm; nộp ngân sách Nhà nước 594 tỷ đồng. Tổng doanh thu năm 2017 của Công ty mẹ đạt 762 tỷ đồng, hoàn thành 128% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế đạt 487 tỷ đồng, hoàn thành 157% kế hoạch năm; Thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 cho các cổ đông PVI với tỷ lệ 20% trên mệnh giá cổ phiếu (2000 đồng/CP), cao gấp 1,7 lần so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao (12%).
- Về lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, PVI tiếp tục dẫn đầu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ về hiệu quả nghiệp vụ và giữ vững thị trường truyền thống, đồng thời kiểm soát chặt chẽ hiệu quả kinh doanh của hệ thống bán lẻ. Về lĩnh vực kinh doanh tái bảo hiểm, kinh doanh thu xếp TBH tiếp tục phát triển đúng định hướng, tập trung vào hiệu quả, góp phần cải thiện kết quả kinh doanh bảo hiểm chung của toàn hệ thống. Hoạt động đầu tư, quản lý tài sản được đẩy mạnh trên cơ sở tăng cường hiệu quả và tối ưu hóa dòng tiền đã góp phần vào việc hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh chung của PVI.

5.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Trong năm 2017, Ban Tổng giám đốc đã hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ PVI và thực hiện thành công các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT.

5.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2018 chắc chắn tiếp tục còn nhiều thách thức cho hoạt động kinh doanh của PVI khi tình hình của PVN còn nhiều khó khăn và sự cạnh tranh gay gắt trong các thị trường truyền thống của PVI. Bên cạnh việc nỗ lực vượt qua các khó khăn sắp tới và chủ động tận dụng mọi thời cơ có được, trong năm 2018, HĐQT PVI sẽ tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Chỉ đạo PVI hoàn thành tốt kế hoạch năm 2018 do ĐHĐCĐ giao. Bám sát diễn biến kinh tế xã hội và hoạt động kinh doanh của PVI để đưa ra các quyết sách hợp lý và kịp thời, hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2018.
- Chỉ đạo tiếp tục công tác tái cấu trúc hệ thống PVI theo hướng tinh gọn và hiệu quả.
- Xây dựng hệ thống đầu tư mạnh trên cả 3 khâu: quản trị đầu tư, thực hiện đầu tư và kiểm tra giám sát việc đầu tư. Quản trị tốt dòng tiền từ bảo hiểm để chuyển sang đầu tư. Đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào những lĩnh vực PVI có lợi thế: tư vấn thu xếp vốn, đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng công nghiệp ngành dầu khí, chế biến dầu khí, lọc hóa dầu, điện..
- Chỉ đạo tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống Quy chế quản lý nội bộ, phân cấp rõ quyền hạn, trách nhiệm các cấp quản lý. Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ fintech và insurtech trong quản trị, tăng năng suất lao động và chất lượng dịch vụ.
- Triển khai chiến lược Phát triển nguồn nhân lực, trong đó tập trung cải cách tiền lương theo năng suất và hiệu quả làm việc. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo đủ năng lực. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu. Xây dựng văn hoá doanh nghiệp: cá nhân trách nhiệm, hệ thống kỉ cương, tập thể cống hiến.

III - QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 được tổ chức vào ngày 27/04/2017, Hội đồng quản trị PVI nhiệm kỳ mới 2017-2022 đã được bầu với danh sách các thành viên như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (31/12/2017)	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	217.009	0.1%
2	Ông Tôn Thiện Việt	Phó CT HĐQT	0	0%

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
3	Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên HĐQT	88.188	0.04%
4	Ông Jens Holger Wohlthat	Ủy viên HĐQT	0	0%
5	Ông Ulrich Heinz Wollschläger	Ủy viên HĐQT	0	0%
6	Ông Dương Thanh Danh Francois	Ủy viên HĐQT	0	0%
7	Ông Nguyễn Anh Tuấn (đại diện Pvccombank)	Ủy viên HĐQT	0	0%
8	Ông Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên HĐQT	0	0%

1.2. Các tiêu ban của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2017, HĐQT đã kiện toàn nhân sự cũng như điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của 04 Ủy ban thuộc HĐQT (Ủy ban Chiến lược & Phát triển, Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro, Ủy ban Đầu tư, Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm) phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo yêu cầu quản trị của Công ty. Các Ủy ban thuộc HĐQT đã xây dựng kế hoạch làm việc và tư vấn, tham mưu cho HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn giúp nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp trên toàn hệ thống PVI.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2017, trong bối cảnh thị trường nhiều thách thức, Hội đồng quản trị (HĐQT) PVI đã chủ động bám sát các Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong việc giám sát, chỉ đạo các hoạt động của PVI phù hợp với từng diễn biến của thị trường.

HĐQT PVI đã thực hiện giám sát các hoạt động của Ban điều hành thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Ban Tổng giám đốc.

Bên cạnh công tác giám sát, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ PVI và thực hiện đúng theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Một số công việc cụ thể như sau:

- Tổ chức thành công buổi họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 vào ngày 27/04/2017, bầu thành công HĐQT cho nhiệm kỳ mới 2017-2022. Từ đầu năm 2017 đến nay, ngoài phiên họp HĐQT để bầu Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT và bầu Chủ nhiệm các Ủy ban chức năng thuộc HĐQT, HĐQT đã tiến hành 4 phiên họp định kỳ vào các ngày 24/03/2017, 27/06/2017, 24/08/2017 và 04/12/2017. HĐQT cũng đã tổ chức 6 lần xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, ban hành 19 Nghị quyết HĐQT để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo các hoạt động của công ty. Danh sách các Nghị quyết HĐQT năm 2017 như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-PVI	27/03/2017	Các nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
2	02/NQ-PVI	30/03/2017	Chủ trương đầu tư vào Quỹ đầu tư hạ tầng PVI
3	03/NQ-PVI	05/04/2017	Số lượng thành viên HĐQT PVI nhiệm kỳ 2017-2022
4	04/NQ-PVI	25/04/2017	Bổ sung nội dung vào chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
5	05/NQ-PVI	27/04/2017	Bầu các chức danh Chủ tịch HĐQT và Phó chủ tịch HĐQT
6	06/NQ-PVI	16/06/2017	Phương án nhân sự tại Bảo hiểm PVI
7	07/NQ-PVI	16/06/2017	Chủ trương góp vốn thành lập công ty kinh doanh Tòa nhà PVI
8	08/NQ-PVI	28/06/2017	- Kết quả kinh doanh Quý I/2017 và kế hoạch kinh doanh Quý II/2017 - Kiện toàn nhân sự các Ủy ban trực thuộc HĐQT
9	09/NQ-PVI	28/07/2017	Chủ trương giảm tỷ lệ sở hữu của PVI tại PVI Re xuống 51% vốn điều lệ
10	10/NQ-PVI	28/08/2017	Kết quả kinh doanh 6T/2017, kế hoạch 6T cuối năm 2017
11	11/NQ-PVI	28/08/2017	Chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt
12	12/NQ-PVI	28/08/2017	Thông qua kế hoạch hoạt động các Ủy ban
13	13/NQ-PVI	16/10/2017	Chấp thuận ông Nguyễn Ngọc Minh thôi giữ chức vụ PTGD
14	14/NQ-PVI	06/12/2017	Kết quả kinh doanh 9T/2017, kế hoạch 3T cuối năm 2017
15	15/NQ-PVI	06/12/2017	Chủ trương bán cổ phiếu quỹ
16	16/NQ-PVI	18/12/2017	Thông qua kế hoạch triển khai lập báo cáo tài chính IFRS
17	17/NQ-PVI	22/12/2017	Sửa đổi một số nội dung của Quy chế Đầu tư
18	18/NQ-PVI	22/12/2017	Sửa đổi một số nội dung của Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các Ủy ban thuộc HĐQT
19	19/NQ-PVI	22/12/2017	Thông qua kế hoạch thoái vốn của Quỹ đầu tư hạ tầng PVI (PIF) tại Công ty CP phát triển tài sản Việt Nam (VAD)

- Chỉ đạo PVI hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh chính như doanh thu, lợi nhuận.
- Chỉ đạo triển khai các hoạt động về tái cấu trúc, quản trị công ty và hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

1.4. Đào tạo về quản trị công ty:

Các cán bộ quản lý của PVI (thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc...) thường xuyên tham dự các khóa đào tạo, các hội thảo về quản trị công ty do UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội và các đơn vị đào tạo uy tín khác trong nước và ngoài nước tổ chức. Hoạt động đào tạo về công tác quản trị luôn được PVI chú trọng để nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp của PVI.

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (31/12/2017)	Tỷ lệ
1	Bà Hà Lan	Trưởng BKS	30.767	0,01%
2	Ông Jens Holger Wohlthat (thôi giữ chức TV BKS kể từ ngày 27/04/2017)	Phó trưởng BKS	0	0%
3	Ông Daryl John Vella (được bầu làm TV BKS kể từ ngày 27/04/2017)	Thành viên BKS	0	0%
4	Ông Oliver Massmann	Thành viên BKS	0	0%
5	Bà Trần Thu Hà	Thành viên BKS	0	0%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

❖ Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Năm 2017, BKS tổ chức 04 cuộc họp định kỳ hàng quý vào tháng 03/2017, tháng 05/2017, tháng 08/2017 và tháng 11/2017 nhằm trao đổi những nội dung sau:

- Kiểm điểm tình hình thực hiện các kiến nghị của BKS trong quý trước;
- Trao đổi làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của PVI với đại diện Hội đồng quản trị, đại diện Ban TGD và các cán bộ liên quan;
- Thống nhất những ý kiến đánh giá và đưa ra kiến nghị với PVI;
- Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch hoạt động của BKS.

❖ Hoạt động kiểm tra giám sát

BKS định kỳ tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PVI qua các báo cáo từ các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con, công ty liên kết và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan; đồng thời phối hợp với Ban Chiến lược và Tuân thủ, Ban Tài chính kế toán và Kiểm toán xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát và thực hiện kiểm tra giám sát.

Nội dung kiểm tra giám sát trong năm 2017 bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban TGD.
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT và thẩm định báo cáo hoạt động của HĐQT; Giám sát các hoạt động đầu tư của PVI.
- Thẩm định Báo cáo Tài chính; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính hàng quý trong năm 2017;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch kinh doanh hàng quý và năm của PVI.
- Giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PVI.

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý, BKS đều có các ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI nhằm khắc phục các tồn tại đảm bảo công tác kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất. Các hoạt động của BKS được thực hiện theo đúng các quy định về tổ chức hoạt động của BKS PVI, quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ PVI, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 đã thông qua.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Người đại diện của tổ chức là người nội bộ	14.593.243	6,23%	9.557.943	4,08%	Bán
2	Ông Phùng Tuấn Kiên	Người nội bộ	49.793	0,02%	0	0%	Bán
3	Bà Hà Lan	Người nội bộ	32.767	0,01%	30.767	0,01%	Bán

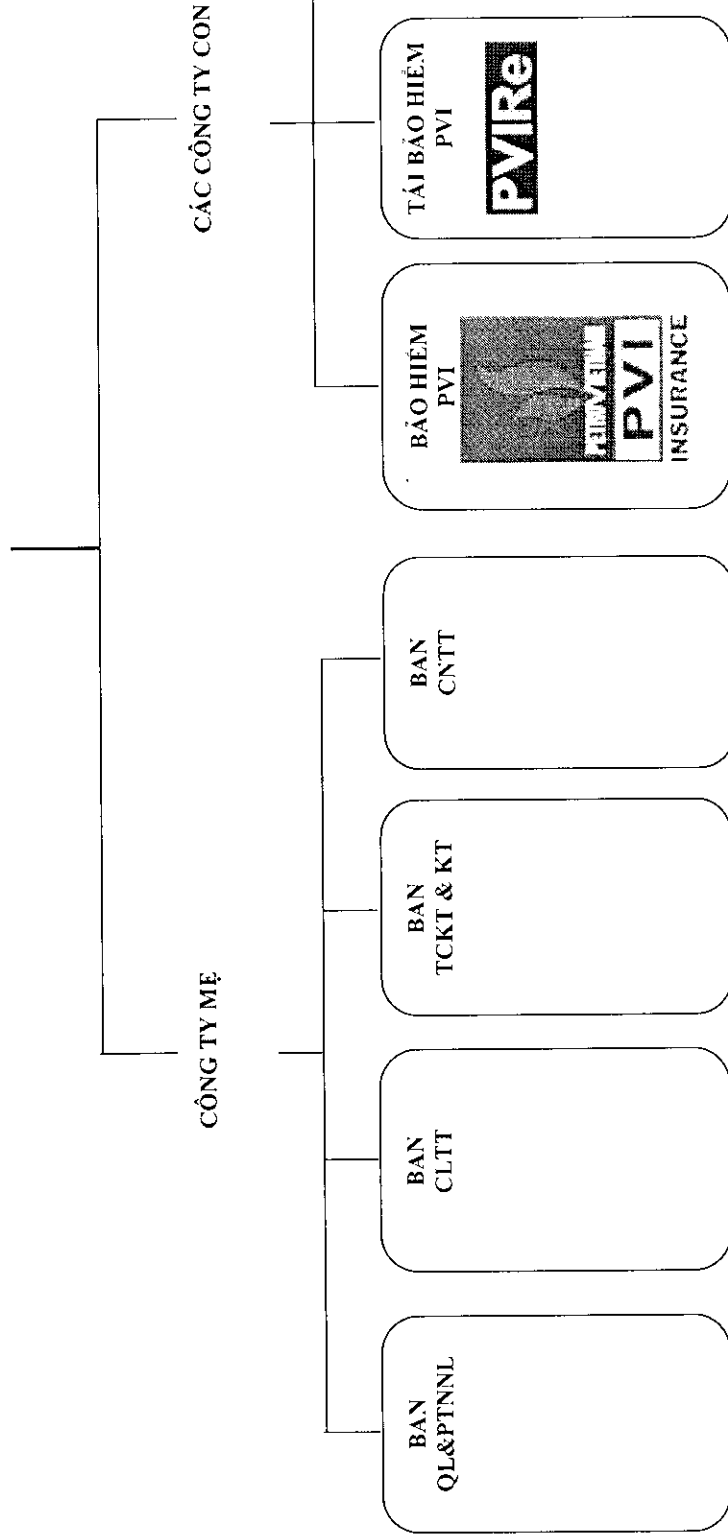
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

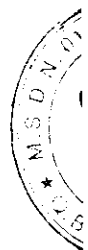
Thực hiện theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật.

IV- BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

SƠ ĐỒ QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN PVI



Ghi chú: VAD do PVI và các Công ty con của PVI đầu tư góp vốn thông qua Quỹ đầu tư hạ tầng PVI (PIF)



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)



HOLDINGS

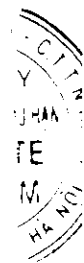
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 31



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Ulrich Heinz Wollschlager	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên
Ông Jens Holger Wohlthat	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Tung Sing Lau	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Khuyển Nguồn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

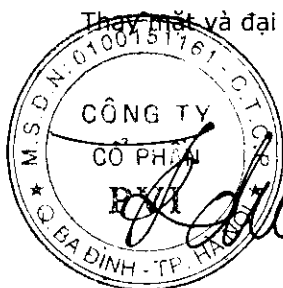
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Khắc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 02 năm 2018

Số: 465 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 02 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Phạm Ngọc Hải
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2452-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		997.283.613.932	1.413.874.717.692
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	23.873.054.713	120.236.661.554
1. Tiền	111		13.873.054.713	14.236.661.554
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	106.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	684.882.365.744	1.144.882.365.744
1. Chứng khoán kinh doanh	121		37.085.880.000	37.085.880.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(22.203.514.256)	(22.203.514.256)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		670.000.000.000	1.130.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		219.316.666.988	83.924.723.772
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	45.188.936.939	62.879.577.751
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.937.862.668	26.033.032.772
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	207.154.541.974	40.174.681.637
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(41.964.674.593)	(45.162.568.388)
IV. Hàng tồn kho	140		338.252.728	450.000
1. Hàng tồn kho	141		338.252.728	450.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		68.873.273.759	64.830.516.622
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	5.452.907.028	3.418.516.412
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		63.420.366.731	61.149.535.768
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	13	-	262.464.442
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.702.286.678.109	5.477.914.843.271
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		309.478.800	269.478.800
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	309.478.800	269.478.800
II. Tài sản cố định	220		135.561.592.989	155.279.451.076
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	132.065.308.942	151.185.989.765
<i>Nguyên giá</i>	222		193.971.426.956	216.581.539.349
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(61.906.118.014)	(65.395.549.584)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	3.496.284.047	4.093.461.311
<i>Nguyên giá</i>	228		29.209.238.224	27.506.804.224
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(25.712.954.177)	(23.413.342.913)
III. Bất động sản đầu tư	230	11	1.499.947.292.796	1.846.052.743.414
<i>Nguyên giá</i>	231		1.621.298.874.166	1.933.423.583.575
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(121.351.581.370)	(87.370.840.161)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	4.063.037.730.000	3.475.212.729.998
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.424.772.730.000	3.304.772.730.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		43.500.000.000	43.500.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.235.000.000)	(33.060.000.002)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		630.000.000.000	160.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.430.583.524	1.100.439.983
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.430.583.524	1.100.439.983
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.699.570.292.041	6.891.789.560.963

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

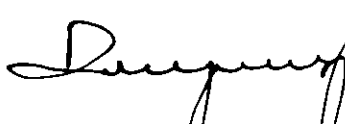
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		357.326.784.311	531.365.553.985
I. Nợ ngắn hạn	310		92.981.418.828	272.073.494.486
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		245.826.797	9.420.486.854
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	4.197.370.914	89.181.461.745
3. Phải trả người lao động	314		13.670.097.221	9.120.462.448
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		8.562.018.070	2.232.442.584
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		10.595.156.300	11.337.858.774
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.435.558.265	122.536.957.315
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54.275.391.261	28.243.824.766
II. Nợ dài hạn	330		264.345.365.483	259.292.059.499
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		230.213.019.023	237.106.109.490
2. Phải trả dài hạn khác	337	14	33.919.568.085	21.953.420.384
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		212.778.375	232.529.625
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.342.243.507.730	6.360.424.006.978
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	6.342.243.507.730	6.360.424.006.978
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	415		(212.883.100.975)	(212.883.100.975)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		710.433.603.910	728.614.103.158
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		235.070.384.621	185.251.915.876
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		475.363.219.289	543.362.187.282
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		6.699.570.292.041	6.891.789.560.963



Đào Hải Yến
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 02 năm 2018



Trần Duy Cường
Kế toán trưởng




Phạm Khắc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	185.534.163.367	180.388.858.297
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		185.534.163.367	180.388.858.297
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	142.307.134.959	145.144.463.707
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		43.227.028.408	35.244.394.590
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	570.442.680.045	802.700.506.182
6. Chi phí tài chính	22	22	6.486.173.258	76.952.491.392
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	11.478.619.445
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	125.529.827.441	123.004.548.925
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		481.653.707.754	637.987.860.455
9. Thu nhập khác	31		6.044.687.393	1.263.972.553
10. Chi phí khác	32		764.498.071	1.947.257.748
11. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		5.280.189.322	(683.285.195)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		486.933.897.076	637.304.575.260
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	11.570.677.787	93.942.387.978
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		475.363.219.289	543.362.187.282

Đào Hải Yến
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 02 năm 2018

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Phạm Khắc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	486.933.897.076	637.304.575.260
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	64.338.232.901	55.657.182.728
Các khoản dự phòng	03	2.174.999.998	22.742.205.844
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(602.784.337.297)	(759.918.137.291)
Chi phí lãi vay	06	-	11.478.619.445
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(49.337.207.322)	(32.735.554.014)
Thay đổi các khoản phải thu	09	210.054.833.126	225.418.928.095
Thay đổi hàng tồn kho	10	(337.802.728)	270.000
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(126.323.694.692)	(125.920.165.756)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(4.364.534.157)	29.363.735.830
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	-	73.263.913.765
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(13.998.619.445)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(96.177.071.467)	(45.836.820.770)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(66.485.477.240)	109.555.687.705
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(12.248.613.524)	(6.223.154.079)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	343.311.331.423	268.375.838
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.750.000.000.000)	(2.045.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.740.000.000.000	1.500.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(130.117.490.000)	(646.022.730.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	1.708.727.000.489
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	224.151.136.500	239.646.855.664
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	415.096.364.399	751.396.347.912

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

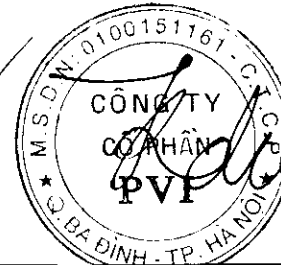
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(320.000.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(444.974.494.000)	(444.974.494.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(444.974.494.000)	(764.974.494.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(96.363.606.841)	95.977.541.617
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	120.236.661.554	24.259.119.937
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	23.873.054.713	120.236.661.554

Đào Hải Yên
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 02 năm 2018

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Phạm Khắc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi, bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 42 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 45 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ tài chính và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 gồm:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM)
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) (i)
- Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (PIF) (i)

- (i) Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (PIF) được thành lập ngày 25 tháng 5 năm 2017 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 153/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF và PIF được góp vốn bởi Công ty và các công ty con của Công ty là Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. Các quỹ này đều được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, với thời gian hoạt động là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết).

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

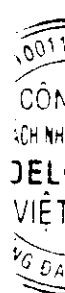
b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



c. Đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF") và Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF")

Khoản đầu tư góp vốn vào POF và PIF được phản ánh trên cơ sở giá gốc. Thu nhập phát sinh từ khoản đầu tư này được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi từ Ban Đại diện Quỹ vào thời điểm cuối năm.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư góp vốn vào POF và PIF được ghi nhận khi giá trị vốn góp của các bên tại POF và PIF lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có (NAV) của POF và PIF tại thời điểm cuối năm tài chính.

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

250c
G T
M H
SIT
NA
TF

12
01
11

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 40
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là "phần mềm máy tính"). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 39,5 năm.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ nhằm thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Một khoản cho thuê được xem là cho thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính riêng này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa niên độ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	487.700.753	611.381.929
Tiền gửi ngân hàng	13.385.353.960	13.625.279.625
Các khoản tương đương tiền (i)	10.000.000.000	106.000.000.000
	<u>23.873.054.713</u>	<u>120.236.661.554</u>

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh	37.085.880.000	14.882.365.744	37.085.880.000	14.882.365.744
- Tổng giá trị cổ phiếu	37.085.880.000	14.882.365.744	37.085.880.000	14.882.365.744
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.300.000.000.000	1.300.000.000.000	-	1.290.000.000.000
b1) Ngân hạn	670.000.000.000	670.000.000.000	-	1.130.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	670.000.000.000	670.000.000.000	-	1.130.000.000.000
b2) Dài hạn	630.000.000.000	630.000.000.000	-	160.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (ii)	630.000.000.000	630.000.000.000	-	160.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.468.272.730.000	3.632.516.655.871	(35.235.000.000)	3.514.691.655.869
- Đầu tư vào công ty con	3.424.772.730.000	3.624.251.655.871	-	3.504.251.655.871
+ Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	2.600.000.000.000	2.715.550.514.350	-	2.715.550.514.350
+ Tổng Công ty Cổ phần Tài Bảo hiểm PVI	460.000.000.000	532.637.784.479	-	532.637.784.479
+ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	17.500.000.000	19.593.046.193	-	19.593.046.193
+ Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	227.272.730.000	236.470.310.849	-	236.470.310.849
+ Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	43.500.000.000	8.265.000.000	(35.235.000.000)	10.439.999.998

(i) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo.

Thông tin chi tiết về các công ty con thuộc sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần	Tỷ lệ	Hoạt động chính
		sở hữu	quyền biểu	
		%	quyết năm giữ	
		%	%	
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm phi nhân thọ
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	Hà Nội	68,86	73,11	Tái bảo hiểm
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	Hà Nội	35	65	Quản lý quỹ đầu tư
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Hà Nội	22,73	100	Quỹ đầu tư
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	Hà Nội	23,08	100	Quỹ đầu tư

Thông tin chi tiết về Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF") và Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF"):

Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (PIF) được thành lập ngày 25 tháng 5 năm 2017 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 153/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF và PIF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của mỗi quỹ là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tổng số vốn của POF tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.000.000.000.000 VND, được góp bởi các bên như sau:

	Số vốn góp	Tỷ lệ góp vốn
	VND	%
Công ty Cổ phần PVI	227.272.730.000	22,73
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	568.181.820.000	56,82
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	204.545.450.000	20,45
	1.000.000.000.000	100

Tổng số vốn của PIF tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 520.000.000.000 VND, được góp bởi các bên như sau:

	Số vốn góp	Tỷ lệ góp vốn
	VND	%
Công ty Cổ phần PVI	120.000.000.000	23,08
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	296.000.000.000	56,92
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	104.000.000.000	20,00
	520.000.000.000	100

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con trong năm: các công ty con của Công ty trong năm 2017 hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký và không có thay đổi trọng yếu nào về hoạt động kinh doanh so với năm trước.

- Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và các công ty con trong năm gồm:
 - + Công ty mẹ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ công nghệ thông tin (cung cấp phần mềm, cung cấp đường truyền dữ liệu) cho các công ty con;
 - + Các công ty con chia lợi nhuận cho Công ty mẹ/chia cổ tức cho Công ty mẹ;
 - + Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý danh mục đầu tư cho Công ty mẹ và các công ty con khác của Công ty mẹ; nhận chuyển nhượng các khoản đầu tư từ Công ty mẹ.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được xác định theo giá thực tế trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) được xác định theo giá giao dịch bình quân tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Với các khoản chứng khoán kinh doanh khác, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp gồm: phương pháp so sánh với các chứng khoán kinh doanh tương đồng có giá thị trường và phương pháp giá trị tài sản ròng.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.
- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ.
- Đối với khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được phản ánh thay cho giá trị hợp lý.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Dự thu lãi đầu tư	33.911.933.030	49.661.388.889
- Các khoản phải thu khách hàng khác	11.277.003.909	13.218.188.862
	45.188.936.939	62.879.577.751

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	207.154.541.974	40.174.681.637
- Tạm ứng cho người lao động	510.212.087	247.153.500
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	124.077.558.102	-
- Phải thu khác	82.566.771.785	39.927.528.137
b) Dài hạn	309.478.800	269.478.800
- Ký cược, ký quỹ	309.478.800	269.478.800

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu	42.160.553.842	41.964.674.593	195.879.249	45.162.568.388	45.162.568.388	-

- Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu đã trích lập dự phòng được xác định bằng giá gốc trừ dự phòng đã trích lập.

- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm..., theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.

- Khả năng thu hồi các khoản phải thu đã trích lập dự phòng thấp do các đối tác của Công ty đều gặp khó khăn về tài chính hoặc trong tình trạng phá sản.

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	116.062.603.669	10.552.440.384	81.964.416.102	8.002.079.194	216.581.539.349
Tăng trong năm	-	4.171.350.910	5.846.152.614	-	10.017.503.524
- Mua sắm mới	-	4.171.350.910	5.846.152.614	-	10.017.503.524
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.579.485.453)	(2.925.763.562)	-	(9.505.249.015)
Giảm khác trong năm	(19.825.224.463)	-	(3.297.142.439)	-	(23.122.366.902)
Số dư cuối năm	96.237.379.206	8.144.305.841	81.587.662.715	8.002.079.194	193.971.426.956
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	23.322.266.257	10.218.584.938	31.854.698.389	-	65.395.549.584
Trích khấu hao trong năm	6.353.135.498	642.840.254	14.599.903.022	1.600.415.839	23.196.294.613
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.579.485.453)	(2.388.893.266)	-	(8.968.378.719)
Giảm khác trong năm	(14.420.205.025)	-	(3.297.142.439)	-	(17.717.347.464)
Số dư cuối năm	15.255.196.730	4.281.939.739	40.768.565.706	1.600.415.839	61.906.118.014
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	92.740.337.412	333.855.446	50.109.717.713	8.002.079.194	151.185.989.765
Tại ngày cuối năm	80.982.182.476	3.862.366.102	40.819.097.009	6.401.663.355	132.065.308.942

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 8.545.132.781 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 18.483.296.307 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	27.506.804.224
Tăng trong năm	1.812.650.000
- Mua sắm mới	1.812.650.000
Giảm khác trong năm	110.216.000
Số dư cuối năm	29.209.238.224
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	23.413.342.913
Trích khấu hao trong năm	2.340.074.124
Giảm khác trong năm	40.462.860
Số dư cuối năm	25.712.954.177
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	4.093.461.311
Tại ngày cuối năm	3.496.284.047

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 22.817.112.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 20.527.112.000 VND).

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	1.514.514.197.337	418.460.000	312.543.169.409	1.202.389.487.928
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.514.514.197.337	418.460.000	312.543.169.409	1.202.389.487.928
Giá trị hao mòn lũy kế	87.370.840.161	40.402.280.003	6.421.538.794	121.351.581.370
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	87.370.840.161	40.402.280.003	6.421.538.794	121.351.581.370
Giá trị còn lại	1.427.143.357.176	(39.983.820.003)	306.121.630.615	1.081.037.906.558
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.427.143.357.176	(39.983.820.003)	306.121.630.615	1.081.037.906.558
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	418.909.386.238	-	-	418.909.386.238
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	418.909.386.238	-	-	418.909.386.238
Tổn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	-	-	-	-
Giá trị còn lại	418.909.386.238	-	-	418.909.386.238
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	418.909.386.238	-	-	418.909.386.238

(i) Bất động sản đầu tư dùng để cho thuê phản ánh phần giá trị của tòa nhà PVI tương ứng với phần diện tích cho thuê, được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 39,5 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ với mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư này theo quy định hiện hành.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	5.452.907.028	3.418.516.412
- Chi phí trả trước ngắn hạn	5.452.907.028	3.418.516.412
b) Dài hạn	3.430.583.524	1.100.439.983
- Chi phí trả trước dài hạn	3.430.583.524	1.100.439.983
	8.883.490.552	4.518.956.395

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải thu</u>	<u>Phải trả</u>			<u>Phải thu</u>	<u>Phải trả</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>			<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	-	38.443.743.206	38.443.743.206	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	262.464.442	87.797.255.473	11.570.677.787	96.177.071.467	-	2.928.397.351
Thuế, phí phải nộp khác	-	1.384.206.272	6.109.809.640	6.225.042.349	-	1.268.973.563
	262.464.442	89.181.461.745	56.124.230.633	140.845.857.022	-	4.197.370.914

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	1.435.558.265	122.536.957.315
- Kinh phí công đoàn	451.346.093	612.466.774
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	984.212.172	121.924.490.541
b) Dài hạn	33.919.568.085	21.953.420.384
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	33.919.568.085	21.953.420.384

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

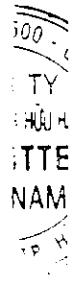
MẪU SỐ B 09-DN

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	646.154.257.172	6.277.964.160.992
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	543.362.187.282	543.362.187.282
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(15.927.847.296)	(15.927.847.296)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(444.974.494.000)	(444.974.494.000)
Số dư đầu năm nay	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	728.614.103.158	6.360.424.006.978
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	475.363.219.289	475.363.219.289
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(48.569.224.537)	(48.569.224.537)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(444.974.494.000)	(444.974.494.000)
Số dư cuối năm nay	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	710.433.603.910	6.342.243.507.730

(i) Trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017.

(ii) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 20% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ-PVI ngày 28 tháng 8 năm 2017.



Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
+ Vốn góp cuối năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ tức đã chia	(444.974.494.000)	(444.974.494.000)

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u> Cổ phiếu	<u>Số đầu năm</u> Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu được mua lại	11.754.600	11.754.600
Cổ phiếu phổ thông	11.754.600	11.754.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	222.487.267	222.487.267
Cổ phiếu phổ thông	222.487.267	222.487.267

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Ngoại tệ các loại			
+ Đô la Mỹ	USD	12.186,79	12.832,69
+ Euro	EUR	181,00	341,56
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	274.953.079.659	270.040.511.271

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a) Doanh thu

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu cho thuê văn phòng	159.077.789.258	132.345.622.119
Doanh thu hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin	26.456.374.109	48.043.236.178
	<u>185.534.163.367</u>	<u>180.388.858.297</u>

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	30.647.258.077	50.037.204.787
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	6.408.153.108	7.459.570.561
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	1.592.234.436	3.494.991.513

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng	119.481.127.690	103.173.768.083
Giá vốn hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin	22.826.007.269	41.970.695.624
	<u>142.307.134.959</u>	<u>145.144.463.707</u>

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân công	31.253.701.160	24.819.604.534
Chi phí văn phòng	4.093.931.794	4.795.009.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.308.171.963	11.687.103.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.632.553.394	21.984.875.986
Chi phí khác bằng tiền	51.241.469.130	59.717.955.938
	<u>125.529.827.441</u>	<u>123.004.548.925</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	31.253.701.160	24.819.604.534
Chi phí văn phòng	4.093.931.794	4.795.009.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.338.232.901	55.657.182.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.619.154.940	63.814.724.537
Chi phí khác bằng tiền	94.531.941.605	119.062.491.641
	267.836.962.400	268.149.012.632

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	88.673.352.265	67.205.964.963
Cổ tức, lợi nhuận được chia	447.220.249.015	164.539.908.702
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp	-	530.830.847.667
Doanh thu hoạt động tài chính khác	34.549.078.765	40.123.784.850
	570.442.680.045	802.700.506.182

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	57.048.992	87.905.301
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	2.174.999.998	22.742.205.844
Chi phí lãi vay	-	11.478.619.445
Chi phí tài chính khác	4.254.124.268	42.643.760.802
	6.486.173.258	76.952.491.392

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	486.933.897.076	637.304.575.260
Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	(8.497.488.584)	-
Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh	478.436.408.492	637.304.575.260
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(430.410.711.620)	(201.659.603.220)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(430.410.711.620)	(164.539.908.702)
- Dự phòng đầu tư tài chính đã loại ở năm trước được trừ ở năm nay	-	(36.105.700.000)
- Thu nhập không chịu thuế khác	-	(1.013.994.518)
Trừ: Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	868.303.772	3.028.531.933
- Thù lao Hội đồng Quản trị	762.000.000	96.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	98.876.847	25.726.027
- Chi phí khác không được khấu trừ	7.426.925	2.906.805.906
Thu nhập chịu thuế	48.894.000.644	438.673.503.973
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	8.497.488.584	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.478.297.846	87.734.700.795
Thuế nộp bổ sung theo biên bản kiểm tra thuế	92.379.941	6.207.687.183
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.570.677.787	93.942.387.978

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.873.054.713	23.873.054.713	120.236.661.554	120.236.661.554
Phải thu khách hàng và phải thu khác	210.178.071.033	210.178.071.033	57.914.016.300	57.914.016.300
Đầu tư tài chính	1.323.147.365.744	1.323.147.365.744	1.315.322.365.742	1.315.322.365.742
Tổng cộng	1.557.198.491.490	1.557.198.491.490	1.493.473.043.596	1.493.473.043.596
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	35.246.428.498	35.246.428.498	153.299.194.723	153.299.194.723
Chi phí phải trả	8.562.018.070	8.562.018.070	2.232.442.584	2.232.442.584
Tổng cộng	43.808.446.568	43.808.446.568	155.531.637.307	155.531.637.307

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số 5.
- Giá trị hợp lý của các khoản mục ngắn hạn gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công ty con không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách thận trọng như trình bày tại Thuyết minh số 5 và số 8.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.873.054.713	-	23.873.054.713
Phải thu khách hàng và phải thu khác	209.868.592.233	309.478.800	210.178.071.033
Đầu tư tài chính	684.882.365.744	638.265.000.000	1.323.147.365.744
Tổng cộng	918.624.012.690	638.574.478.800	1.557.198.491.490
Phải trả người bán và phải trả khác	1.326.860.413	33.919.568.085	35.246.428.498
Chi phí phải trả	8.562.018.070	-	8.562.018.070
Tổng cộng	9.888.878.483	33.919.568.085	43.808.446.568
Chênh lệch thanh khoản thuần	908.735.134.207	604.654.910.715	1.513.390.044.922

Số đầu năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.236.661.554	-	120.236.661.554
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.644.537.500	269.478.800	57.914.016.300
Đầu tư tài chính	1.144.882.365.744	170.439.999.998	1.315.322.365.742
Tổng cộng	1.322.763.564.798	170.709.478.798	1.493.473.043.596
Phải trả người bán và phải trả khác	131.345.774.339	21.953.420.384	153.299.194.723
Chi phí phải trả	2.232.442.584	-	2.232.442.584
Tổng cộng	133.578.216.923	21.953.420.384	155.531.637.307
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.189.185.347.875	148.756.058.414	1.337.941.406.289

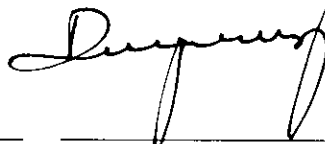
Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.



Đào Hải Yến
Người lập biểu



Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Phạm Khắc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)



HOLDINGS

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Ulrich Heinz Wollschlager	Ủy viên
Ông Thanh Danh François Dương	Ủy viên
Ông Hussain Mohamed Redha Ali	Ủy viên
Ông Jens Holger Wohlthat	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Tung Sing Lau	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

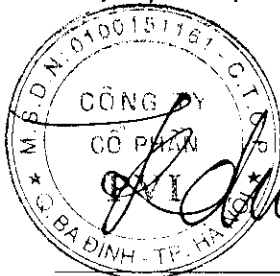
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Khắc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần PVI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 02 năm 2018, từ trang 5 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 02 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Ngọc Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2452-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.003.444.799.020	14.126.313.759.061
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.216.417.580.580	706.885.123.558
1. Tiền	111		556.917.580.580	210.885.123.558
2. Các khoản tương đương tiền	112		659.500.000.000	496.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	6.016.310.353.419	6.290.261.700.621
1. Chứng khoán kinh doanh	121		525.024.783.392	227.513.580.247
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(24.977.929.973)	(22.203.514.257)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.516.263.500.000	6.084.951.634.631
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.525.519.567.418	6.857.861.819.169
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.330.440.085.003	6.228.327.995.927
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		227.470.886.145	245.059.667.626
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	272.710.904.300	693.388.502.471
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(305.102.308.030)	(308.914.346.855)
IV. Hàng tồn kho	140		3.786.156.286	8.218.238.815
1. Hàng tồn kho	141		3.786.156.286	8.218.238.815
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		241.411.141.317	263.086.876.898
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	165.739.863.446	175.093.071.207
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		74.969.029.456	70.902.129.452
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	702.248.415	17.091.676.239
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.623.093.862.262	2.516.247.016.894
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.708.372.774	23.074.229.514
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	23.708.372.774	23.074.229.514
II. Tài sản cố định	220		275.912.455.257	301.785.328.644
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	194.371.613.083	212.532.063.227
<i>Nguyên giá</i>	222		366.840.937.272	357.573.851.065
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(172.469.324.189)	(145.041.787.838)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	81.540.842.174	89.253.265.417
<i>Nguyên giá</i>	228		186.536.943.100	167.633.613.500
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(104.996.100.926)	(78.380.348.083)
III. Bất động sản đầu tư	230	11	1.499.947.292.796	1.846.052.743.414
<i>Nguyên giá</i>	231		1.621.298.874.166	1.933.423.583.575
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(121.351.581.370)	(87.370.840.161)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.745.402.453.721	3.478.803.526
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	13	1.743.232.144.194	907.634.717
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.170.309.527	2.571.168.809
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.051.391.510.701	302.031.465.624
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		184.957.401.979	455.301.399.865
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(113.565.891.278)	(313.269.934.241)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		980.000.000.000	160.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		26.731.777.013	39.824.446.172
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	26.731.777.013	20.989.255.406
2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	262		-	18.835.190.766
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		19.626.538.661.282	16.642.560.775.955

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.794.381.427.080	9.821.118.850.467
I. Nợ ngắn hạn	310		12.431.132.370.754	9.712.408.608.443
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.924.848.925.620	1.761.423.619.445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.486.719.983.021	363.983.345.094
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	114.113.063.449	119.949.475.893
4. Phải trả người lao động	314		195.380.975.836	109.669.277.404
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		25.154.514.907	2.792.061.302
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		54.796.841.375	37.939.911.890
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		66.475.246.240	49.474.872.149
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	230.000.000.000	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	8.273.213.588.922	7.235.052.600.876
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		60.429.231.384	32.123.444.390
II. Nợ dài hạn	330		363.249.056.326	108.710.242.024
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		81.551.050.984	84.592.560.483
2. Phải trả dài hạn khác	337		33.522.004.202	21.846.807.001
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	246.109.953.752	-
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	16	2.066.047.388	2.270.874.540
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.832.157.234.202	6.821.441.925.488
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	6.832.157.234.202	6.821.441.925.488
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.323.062.514.020	3.323.062.514.020
3. Cổ phiếu quỹ	415		(212.883.100.975)	(212.883.100.975)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		179.211.820.775	179.211.820.775
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		153.291.564.618	130.673.311.056
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		812.533.997.212	829.318.903.385
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		334.944.631.209	298.164.274.256
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		477.589.366.003	531.154.629.129
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		234.921.768.598	229.639.807.227
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		19.626.538.661.282	16.642.560.775.955

Hoàng Huy Hiệp
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 02 năm 2018

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng

Phạm Khắc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

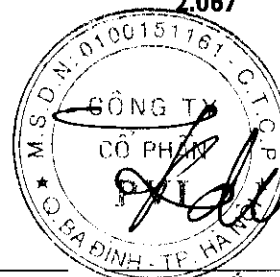
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	8.318.283.688.823	8.074.062.845.882
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	3.529.127.962.279	3.288.006.910.031
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		4.789.155.726.544	4.786.055.935.851
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	4.209.631.182.549	4.229.612.248.320
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		579.524.543.995	556.443.687.531
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	698.841.658.617	1.084.213.268.219
7. Chi phí tài chính	22	27	109.358.777.471	428.416.767.652
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.488.387.888	11.478.619.445
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	490.718.219.285	497.153.873.452
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		678.289.205.856	715.086.314.646
10. Thu nhập khác	31		12.096.755.402	5.076.713.002
11. Chi phí khác	32		6.914.663.038	5.974.284.502
12. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		5.182.092.364	(897.571.500)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		683.471.298.220	714.188.743.146
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	125.049.293.197	159.380.728.227
15. Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52		18.835.190.766	(18.835.190.766)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		539.586.814.257	573.643.205.685
16.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		499.855.689.322	539.658.050.414
16.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		39.731.124.935	33.985.155.271
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.067	2.207

Hoàng Huy Hiệp
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 02 năm 2018

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Phạm Khắc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	683.471.298.220	714.188.743.146
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	106.539.566.923	89.929.220.922
Các khoản dự phòng	03	44.483.174.207	297.835.878.494
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(5.050.041.803)	12.866.408.501
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(471.043.671.215)	(927.312.870.320)
Chi phí lãi vay	06	11.488.387.888	11.478.619.445
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	369.888.714.220	198.986.000.188
Thay đổi các khoản phải thu	09	578.001.965.838	(553.205.575.965)
Thay đổi hàng tồn kho	10	4.432.082.529	(5.760.344.505)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.258.072.632.103	585.618.935.163
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.610.686.154	5.711.943.811
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	(297.511.203.145)	(69.121.445.108)
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.790.611.111)	(13.998.619.445)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(161.728.708.445)	(123.780.425.501)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(21.395.085.530)	(3.410.959.378)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.726.580.472.613	21.039.509.260
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(1.331.980.491.714)	(533.700.199.270)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	343.455.698.697	268.375.838
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.587.763.500.000)	(6.925.618.640.551)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.024.224.112.648	6.136.286.467.896
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(18.750.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.678.476.000.489
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	325.310.898.844	386.493.632.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.226.753.281.525)	723.455.637.049

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

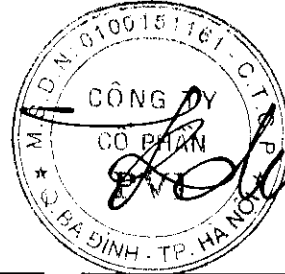
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	652.980.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.427.109.953.752	5.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(951.000.000.000)	(325.000.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(477.007.461.460)	(475.674.677.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(897.507.708)	(795.021.697.334)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	498.929.683.380	(50.526.551.025)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	706.885.123.558	758.738.988.078
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	10.602.773.642	(1.327.313.495)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.216.417.580.580	706.885.123.558

Hoàng Huy Hiệp
Người lập biểu

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Phạm Khắc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PVI

Tòa nhà PVI, Số 01 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 10 tháng 8 năm 2007, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PVI được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngày 28 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh số 0100151161 sửa đổi bổ sung lần thứ 12, đổi tên thành Công ty Cổ phần PVI, sửa đổi và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Giấy phép kinh doanh mới từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.436 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.384 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ tài chính và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con như sau:

- Hoạt động nắm giữ tài sản;
- Kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 gồm:

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (PVI Insurance)
- Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (PVI Re-insurance)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI (PVI AM)
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) (i)
- Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (PIF) (i)



01001
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
DELIVERED
VIỆT NAM
SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN
HÀ NỘI

- (i) Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (PIF) được thành lập ngày 25 tháng 5 năm 2017 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 153/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF và PIF được góp vốn bởi Công ty và các công ty con của Công ty là Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. Các quỹ này đều được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, với thời gian hoạt động là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát và Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF") và Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF") (gọi chung là các "công ty con") được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh các chi phí phát sinh liên quan đến Dự án Khu nhà ở thấp tầng tại lô đất A1TT1 - Khu trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 40
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là "phần mềm máy tính") và quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không khấu hao theo quy định hiện hành.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và nhà dự án do Công ty nắm giữ chờ tăng giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 39,5 năm.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ nhằm thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chính sách kế toán đối với các khoản chi phí trả trước về hoa hồng bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, phần "chi phí".

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Một khoản cho thuê được xem là cho thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích Quỹ thưởng ban điều hành và các quỹ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa niên độ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Chính sách kế toán một số nghiệp vụ đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Dự phòng phí chưa được hưởng:

Áp dụng tại Tổng Công ty Bảo hiểm PVI:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm năng lượng: Dự phòng phí trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày).
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính trên phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm và được trích lập theo phương pháp 1/24. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính trên phí nhượng tái bảo hiểm và được trích lập theo phương pháp 1/24.

Áp dụng tại Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không: bằng 25% của tổng phí bảo hiểm giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: bằng 50% của tổng phí bảo hiểm giữ lại.

Dự phòng bồi thường:

- Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.
- Đối với các tổn thất đã phát sinh chưa được thông báo từ khách hàng (IBNR):

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI trích lập dựa trên thống kê dữ liệu trong quá khứ.
- Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) thực hiện trích lập theo tỷ lệ 5% phí bảo hiểm giữ lại.

Dự phòng dao động lớn: Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định nêu trên của Bộ Tài chính, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong kỳ.

Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm (trên báo cáo tài chính hợp nhất này được theo dõi trên khoản mục "Phải thu khách hàng").

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm; (2) hợp đồng bảo hiểm đã có hiệu lực và (3) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc trong thời gian cho nợ phí theo quy định (tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực). Việc ghi nhận này cũng được áp dụng cho ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm của kỳ đóng phí đầu tiên đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, các kỳ tiếp theo chỉ ghi nhận doanh thu khi khách hàng đã đóng đủ phí theo thỏa thuận hợp đồng.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo sổ phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty. Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Trong năm, hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí tương ứng.

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường. Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí bảo hiểm gốc và phí bảo hiểm nhận tái phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục "Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc" và "Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm".

Cuối năm tài chính, Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm này tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí tương ứng.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế của các công ty bảo hiểm với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của các công ty này. Quỹ dự trữ bắt buộc được phản ánh vào khoản mục "Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	2.126.820.007	1.721.943.565
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	549.812.527.337	209.022.306.608
Tiền đang chuyển	4.978.233.236	140.873.385
Các khoản tương đương tiền (i)	659.500.000.000	496.000.000.000
	1.216.417.580.580	706.885.123.558

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
a) Chứng khoán kinh doanh	525.024.783.392	528.244.917.543	(24.977.929.973)	207.951.145.694
- Tổng giá trị cổ phiếu, trái phiếu	525.024.783.392	528.244.917.543	(24.977.929.973)	207.951.145.694
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.496.263.500.000	6.496.263.500.000	-	6.244.951.634.631
b1) Ngắn hạn	5.516.263.500.000	5.516.263.500.000	-	6.084.951.634.631
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	5.516.263.500.000	5.516.263.500.000	-	6.084.951.634.631
b2) Dài hạn	980.000.000.000	980.000.000.000	-	160.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (i)	880.000.000.000	880.000.000.000	-	160.000.000.000
- Trái phiếu	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	184.957.401.979	78.271.127.707	(113.565.891.278)	191.993.677.659
- Đầu tư vào đơn vị khác (ii)	184.957.401.979	78.271.127.707	(113.565.891.278)	191.993.677.659
				(22.203.514.257)
				(22.203.514.257)
				(313.269.934.241)
				(313.269.934.241)

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo (ghi nhận là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn) và có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo (ghi nhận là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn) tại các tổ chức tín dụng trong nước.
- (ii) Thể hiện khoản góp vốn vào các công ty với thời hạn nắm giữ trên 1 năm.

Thông tin chi tiết về các công ty con thuộc sở hữu trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần	Tỷ lệ quyền	Hoạt động chính
		sở hữu	biểu quyết	
		%	%	
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Hà Nội	100	100	Bảo hiểm phi nhân thọ
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	Hà Nội	68,86	73,11	Tái bảo hiểm
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	Hà Nội	35	65	Quản lý quỹ đầu tư
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Hà Nội	22,73	100	Quỹ đầu tư
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	Hà Nội	23,08	100	Quỹ đầu tư

Thông tin chi tiết về Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF") và Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF"):

Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) được thành lập ngày 08 tháng 10 năm 2015 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 215/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (PIF) được thành lập ngày 25 tháng 5 năm 2017 dưới hình thức quỹ đóng theo Thông báo số 153/TB-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. POF và PIF được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, thời gian hoạt động của POF và PIF là 05 năm. Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tổng số vốn của POF tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.000.000.000.000 VND, được góp bởi các bên như sau:

	Số vốn góp	Tỷ lệ góp vốn
	VND	%
Công ty Cổ phần PVI	227.272.730.000	22,73
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	568.181.820.000	56,82
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	204.545.450.000	20,45
	1.000.000.000.000	100

Tổng số vốn của PIF tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 520.000.000.000 VND, được góp bởi các bên như sau:

	Số vốn góp	Tỷ lệ góp vốn
	VND	%
Công ty Cổ phần PVI	120.000.000.000	23,08
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	296.000.000.000	56,92
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	104.000.000.000	20,00
	520.000.000.000	100

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được xác định theo giá thực tế trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) được xác định theo giá giao dịch bình quân tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Với các khoản chứng khoán kinh doanh khác, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp gồm: phương pháp so sánh với các chứng khoán kinh doanh tương đồng có giá thị trường và phương pháp giá trị tài sản ròng.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.
- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn được xác định bằng giá trị ghi sổ.
- Đối với khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm gốc	668.742.880.364	470.430.572.821
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	145.692.015.116	182.360.767.714
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	638.560.521.895	639.694.952.594
Phải thu liên quan đến tài sản tái bảo hiểm (i)	5.626.244.835.853	4.655.297.061.408
Phải thu về hoạt động tài chính	233.940.874.201	222.824.034.975
Phải thu về hoạt động kinh doanh phi bảo hiểm	17.258.957.574	57.720.606.415
	<u>7.330.440.085.003</u>	<u>6.228.327.995.927</u>

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	85.426.754.168	26.526.106.354

- (i) Phải thu liên quan đến tài sản tái bảo hiểm phản ánh giá trị của tài sản tái bảo hiểm bao gồm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	272.710.904.300	693.388.502.471
- Tạm ứng cho người lao động	20.844.971.418	32.934.385.407
- Ký cược, ký quỹ	1.564.854.321	437.847.103.669
- Phải thu khác (i)	250.301.078.561	222.607.013.395
b) Dài hạn	23.708.372.774	23.074.229.514
- Ký cược, ký quỹ	23.708.372.774	23.074.229.514

(i) Phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản đầu tư đến hạn thanh toán được phân loại lại sang phải thu khác.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu	413.620.612.379	(305.102.308.030)	108.518.304.349	420.183.289.994	(308.914.346.855)	111.268.943.139

- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm, theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.

- Một số khoản phải thu đã trích lập dự phòng có khả năng thu hồi thấp do đối tác của Công ty gặp khó khăn về tài chính hoặc trong tình trạng phá sản.

- Giá trị có thể thu hồi của các phải thu đã trích lập dự phòng được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	135.322.525.555	69.853.227.275	144.396.019.041	8.002.079.194	357.573.851.065
Tăng trong năm	8.180.413.854	6.546.647.209	7.172.457.223	-	21.899.518.286
- Mua sắm mới	8.180.413.854	6.546.647.209	7.172.457.223	-	21.899.518.286
Phân loại lại	(180.014.082)	(2.172.745.437)	2.352.759.519	-	-
Thanh lý trong năm	-	(8.048.949.689)	(3.317.160.227)	-	(11.366.109.916)
Giảm khác trong năm	-	(634.111.047)	(632.211.116)	-	(1.266.322.163)
Số dư cuối năm	143.322.925.327	65.544.068.311	149.971.864.440	8.002.079.194	366.840.937.272
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	28.334.119.784	48.483.443.891	68.224.224.163	-	145.041.787.838
Trích khấu hao trong năm	7.173.691.320	7.325.331.560	23.422.095.358	1.600.415.839	39.521.534.077
Phân loại lại	(111.779.432)	84.331.205	27.448.227	-	-
Thanh lý trong năm	-	(8.048.949.689)	(2.780.289.931)	-	(10.829.239.620)
Giảm khác trong năm	-	(632.546.990)	(632.211.116)	-	(1.264.758.106)
Số dư cuối năm	35.396.031.672	47.211.609.977	88.261.266.701	1.600.415.839	172.469.324.189
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	106.988.405.771	21.369.783.384	76.171.794.878	8.002.079.194	212.532.063.227
Tại ngày cuối năm	107.926.893.655	18.332.458.334	61.710.597.739	6.401.663.355	194.371.613.083

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 62.557.993.718 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 55.816.539.818 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	43.040.564.893	124.593.048.607	167.633.613.500
Tăng trong năm	-	18.903.329.600	18.903.329.600
- Mua sắm mới	-	18.903.329.600	18.903.329.600
Số dư cuối năm	43.040.564.893	143.496.378.207	186.536.943.100
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	800.172.322	77.580.175.761	78.380.348.083
Trích khấu hao trong năm	159.889.127	26.455.863.716	26.615.752.843
Số dư cuối năm	960.061.449	104.036.039.477	104.996.100.926
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	42.240.392.571	47.012.872.846	89.253.265.417
Tại ngày cuối năm	42.080.503.444	39.460.338.730	81.540.842.174

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 54.821.581.382 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 45.692.008.435 VND).

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	1.514.514.197.337	418.460.000	312.543.169.409	1.202.389.487.928
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.514.514.197.337	418.460.000	312.543.169.409	1.202.389.487.928
Giá trị hao mòn lũy kế	87.370.840.161	40.402.280.003	6.421.538.794	121.351.581.370
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	87.370.840.161	40.402.280.003	6.421.538.794	121.351.581.370
Giá trị còn lại	1.427.143.357.176	(39.983.820.003)	306.121.630.615	1.081.037.906.558
- Nhà và quyền sử dụng đất (i)	1.427.143.357.176	(39.983.820.003)	306.121.630.615	1.081.037.906.558
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	418.909.386.238	-	-	418.909.386.238
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	418.909.386.238	-	-	418.909.386.238
Tồn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	-	-	-	-
Giá trị còn lại	418.909.386.238	-	-	418.909.386.238
- Nhà và quyền sử dụng đất (ii)	418.909.386.238	-	-	418.909.386.238

(i) Bất động sản đầu tư dùng để cho thuê phản ánh phần giá trị của Tòa nhà PVI tương ứng với phần diện tích cho thuê, được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 39,5 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Công ty nắm giữ với mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư này theo quy định hiện hành.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn	165.739.863.446	175.093.071.207
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	149.307.472.297	154.569.967.827
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	16.432.391.149	20.523.103.380
b) Dài hạn	26.731.777.013	20.989.255.406
- Chi phí trả trước dài hạn khác	26.731.777.013	20.989.255.406
	192.471.640.459	196.082.326.613

13. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Quyền sử dụng đất	996.447.907.883	-
Cơ sở hạ tầng	656.144.717.709	-
Chi phí xây dựng	23.133.839.324	-
Chi phí tư vấn, thẩm định	5.720.272.726	388.636.364
Chi phí lãi vay	41.536.082.708	-
Chi phí quản lý dự án	20.249.323.844	518.998.353
	1.743.232.144.194	907.634.717

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh các chi phí phát sinh liên quan đến Dự án Khu nhà ở thấp tầng tại lô đất A1TT1 - Khu trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

a) Các khoản phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	318.986.332.376	336.933.488.508
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	232.161.218.080	250.942.317.395
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	1.295.543.542.569	1.090.577.192.401
Các khoản phải trả khác của khách hàng	78.157.832.595	82.970.621.141
	1.924.848.925.620	1.761.423.619.445

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	38.803.040.617	361.502.293

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản phải trả người bán tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
	VND	VND			VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	20.370.899.369	428.268.951.275	383.759.036.037	-	64.880.814.607
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.091.676.239	90.639.122.351	125.049.293.197	161.728.708.445	698.248.415	37.566.279.279
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.047.737.407	33.501.984.624	30.779.827.046	-	9.769.894.985
Thuế, phí phải nộp khác	-	1.891.716.766	7.255.886.624	7.255.528.812	4.000.000	1.896.074.578
	17.091.676.239	119.949.475.893	594.076.115.720	583.523.100.340	702.248.415	114.113.063.449

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Dự phòng phí chưa được hưởng	3.102.955.875.937	3.064.526.001.019
- Dự phòng bồi thường	5.010.668.996.275	4.034.632.426.709
- Dự phòng dao động lớn	159.588.716.710	135.894.173.148
	8.273.213.588.922	7.235.052.600.876

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng phải trả dài hạn khác	2.066.047.388	2.270.874.540
	2.066.047.388	2.270.874.540

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

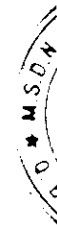
Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	-	-	230.000.000.000	-	230.000.000.000	230.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Cộng	-	-	231.000.000.000	1.000.000.000	230.000.000.000	230.000.000.000

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") theo Hợp đồng tín dụng hạn mức kỳ ngày 08 tháng 3 năm 2017. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 230 tỷ VND, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (công ty con của Công ty) tại các tổ chức tín dụng.

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (i)	-	-	1.196.109.953.752	950.000.000.000	246.109.953.752	246.109.953.752
Cộng	-	-	1.197.109.953.752	951.000.000.000	246.109.953.752	246.109.953.752

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng
- Số phải trả sau 12 tháng



- (i) Thể hiện khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng ký ngày 11 tháng 4 năm 2017 với hạn mức 1.230.000.000.000 VND. Mục đích khoản vay là tài trợ vốn đầu tư xây dựng Dự án Khu nhà ở thấp tầng A1TT1 - Khu trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây. Gốc khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 27 tháng 3 năm 2017 đến ngày 26 tháng 6 năm 2020. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, được xác định bằng lãi suất sản phẩm tiết kiệm trung dài hạn linh hoạt VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ lãi suất 2,0% và được trả hàng quý. Tài sản đảm bảo cho khoản vay bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh trong tương lai của Dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty còn dư nợ gốc với tổng số tiền 246.109.953.752 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND). Trong năm, Công ty đã trả gốc vay trước hạn với số tiền là 950.000.000.000 VND.

Khoản vay dài hạn được trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Trong năm thứ hai	189.457.689.756	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	56.652.263.996	-
Tổng cộng	<u>246.109.953.752</u>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Có phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng		
Số dư đầu năm trước	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	121.923.844.478	761.177.139.042	219.052.484.135	6.733.963.371.475		
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	100.000.000	100.000.000		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	573.643.205.685	-	573.643.205.685		
Phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(33.985.155.271)	33.985.155.271	-		
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	8.503.421.285	(8.503.421.285)	-	-		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(15.927.847.296)	-	(15.927.847.296)		
Trích quỹ khác	-	-	-	-	246.045.293	(246.045.293)	-	-		
Chia cổ tức (Giảm) khác	-	-	-	-	-	(444.974.494.000)	(22.572.833.334)	(467.547.327.334)		
Số dư đầu năm nay	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	130.673.311.056	829.318.903.385	229.639.807.227	6.821.441.925.488		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	539.586.814.257	-	539.586.814.257		
Phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(39.731.124.935)	39.731.124.935	-		
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	22.266.323.319	(22.266.323.319)	-	-		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(51.609.663.359)	(1.177.927.888)	(52.787.591.247)		
Trích quỹ khác	-	-	-	-	351.930.243	(351.930.243)	-	-		
Chia cổ tức (I)	-	-	-	-	-	(444.974.494.000)	(33.815.500.000)	(478.789.994.000)		
Tặng khác	-	-	-	-	-	2.561.815.426	144.264.278	2.706.079.704		
Số dư cuối năm nay	2.342.418.670.000	3.323.062.514.020	(212.883.100.975)	179.211.820.775	153.291.564.618	812.533.997.212	234.521.768.552	6.832.157.234.202		

(I) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 20% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ-PVI ngày 28 tháng 8 năm 2017.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.342.418.670.000	2.342.418.670.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(444.974.494.000)	(444.974.494.000)

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	234.241.867	234.241.867
Cổ phiếu phổ thông	234.241.867	234.241.867
Số lượng cổ phiếu được mua lại	11.754.600	11.754.600
Cổ phiếu phổ thông	11.754.600	11.754.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	222.487.267	222.487.267
Cổ phiếu phổ thông	222.487.267	222.487.267

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Đơn vị	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	1.199.368.360.244	1.439.473.390.234
2. Phải thu đòi người thứ ba	VND	25.073.783.052	33.378.286.667
3. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	290.394.118.822	282.396.416.462
4. Ngoại tệ các loại			
+ Đô la Mỹ	USD	9.027.312	3.510.259
+ Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	1.830.555	1.080.409
+ Yên Nhật	JPY	4.494.225	2.264.454

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: bộ phận hoạt động đầu tư, bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ và bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận hoạt động đầu tư: chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu, cổ phiếu, ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư;

Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ: khai thác các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ;

Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ: hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	1.493.570.004.412	8.532.838.749.296	16.906.849.896.755	(7.306.719.989.181)	19.626.538.661.282
Nợ phải trả bộ phận	8.362.686.946.192	4.530.583.927.982	1.837.717.606.758	(1.936.607.053.852)	12.794.381.427.080

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần theo bộ phận	3.267.139.850.887	1.510.900.309.855	1.518.928.143.026	(796.874.163.205)	5.500.094.140.563
Bảo hiểm	3.267.139.850.887	1.510.900.309.855	-	(135.951.001.350)	4.642.089.159.392
Đầu tư	-	-	1.518.928.143.026	(660.923.161.855)	858.004.981.171
Chi phí theo bộ phận	3.211.228.312.401	1.323.955.272.974	556.358.909.967	(274.919.652.999)	4.816.622.842.343
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phần	55.911.538.486	186.945.036.881	962.569.233.059	(521.954.510.206)	683.471.298.220

**CÔNG TY CỔ PHẦN PVI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	1.221.315.053.802	7.263.366.972.895	14.595.020.130.084	(6.437.141.380.826)	16.642.560.775.955
Nợ phải trả bộ phận	6.941.944.871.122	4.109.032.805.998	584.419.474.469	(1.814.278.301.122)	9.821.118.850.467

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Bộ phận kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ	Bộ phận kinh doanh tái bảo hiểm	Bộ phận hoạt động đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần theo bộ phận	3.376.900.732.490	1.447.173.698.451	1.509.539.314.858	(458.267.828.727)	5.875.345.917.072
Bảo hiểm	3.376.900.732.490	1.447.173.698.451	-	(157.325.794.991)	4.666.748.635.950
Đầu tư	-	-	1.509.539.314.858	(300.942.033.736)	1.208.597.281.122
Chi phí theo bộ phận	3.293.475.579.484	1.346.526.467.450	750.858.054.358	(229.702.927.366)	5.161.157.173.926
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	83.425.153.006	100.647.231.001	758.681.260.500	(228.564.901.361)	714.188.743.146

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a) Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu phí bảo hiểm gốc	6.688.367.477.907	6.527.512.136.321
Thu phí nhận tái bảo hiểm	674.910.185.135	816.981.824.812
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	784.830.513.004	581.059.805.786
Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	23.108.945.625	29.201.779.062
Doanh thu kinh doanh phí bảo hiểm	147.066.567.152	119.307.299.901
	8.318.283.688.823	8.074.062.845.882

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.116.274.900.743	1.023.261.400.671

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phí nhượng tái bảo hiểm	3.516.909.178.042	3.339.118.854.920
Tăng/(Giảm) dự phòng phí	12.218.784.237	(51.111.944.889)
	3.529.127.962.279	3.288.006.910.031

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	2.679.624.340.148	2.565.574.364.467
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	429.029.289.742	487.197.785.344
Các khoản giảm trừ:	(1.278.690.433.533)	(1.070.365.193.841)
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(1.255.845.629.245)	(1.059.212.643.609)
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	(11.048.612.175)	(3.453.458.988)
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	(11.796.192.113)	(7.699.091.244)
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	(91.969.221.179)	(105.256.892.732)
Tăng dự phòng bồi thường	55.365.007.490	64.953.778.342
Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	115.663.764.741	116.613.273.381
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2.141.312.945.100	2.065.981.417.772
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	138.701.072.186	125.077.705.994
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	259.714.218.677	291.708.022.610
- Chi khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm	48.419.658.366	58.949.339.393
- Chi hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	1.694.477.995.871	1.590.246.349.775
Giá vốn dịch vụ kinh doanh phí bảo hiểm	159.295.490.040	104.913.715.587
	4.209.631.182.549	4.229.612.248.320

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	186.660.517.545	170.162.142.405
Chi phí văn phòng	21.680.116.769	29.903.340.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.632.065.574	50.253.708.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	244.745.519.397	246.834.682.136
	490.718.219.285	497.153.873.452

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.050.335.692.509	4.124.698.532.733
Chi phí nhân viên	255.620.806.728	208.868.337.395
Chi phí văn phòng	20.652.055.549	29.106.139.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	106.539.566.923	89.929.220.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	267.201.280.125	290.963.890.936
	4.700.349.401.834	4.743.566.121.772

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	433.921.976.631	432.979.369.934
Lãi đầu tư trái phiếu	-	1.774.176.358
Lãi kinh doanh cổ phiếu	151.666.981.838	39.246.068.864
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.672.295.000	15.088.405.835
Lãi chênh lệch tỷ giá	45.021.157.947	45.925.973.652
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp	-	508.330.636.954
Doanh thu hoạt động tài chính khác	62.559.247.201	40.868.636.622
	698.841.658.617	1.084.213.268.219

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh cổ phiếu	946.168.240	87.905.301
Lỗi chênh lệch tỷ giá	45.996.059.821	55.576.168.418
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư	(17.140.043.505)	250.449.516.256
Chi phí lãi vay	11.488.387.888	11.478.619.445
Chi phí tài chính khác	68.068.205.027	110.824.558.232
	109.358.777.471	428.416.767.652

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	528.639.319.798	765.865.205.214
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	8.497.488.584	-
Tổng thu nhập chịu thuế	537.136.808.382	765.865.205.214
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất thông thường	107.427.361.677	153.173.041.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung	17.621.931.520	6.207.687.184
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	125.049.293.197	159.380.728.227

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	499.855.689.322	539.658.050.414
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	VND	(39.988.455.146)	(48.569.224.537)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	459.867.234.176	491.088.825.877
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	Cổ phiếu	222.487.267	222.487.267
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	2.067	2.207

Không có công cụ có thể tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản vay	476.109.953.752	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.216.417.580.580	706.885.123.558
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	6.832.157.234.202	6.821.441.925.488
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u> VND	<u>Giá trị hợp lý</u> VND	<u>Giá trị ghi sổ</u> VND	<u>Giá trị hợp lý</u> VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.216.417.580.580	1.216.417.580.580	706.885.123.558	706.885.123.558
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.649.394.019.681	1.649.394.019.681	1.486.723.601.059	1.486.723.601.059
Đầu tư tài chính	7.067.701.864.120	7.102.779.545.251	6.592.293.166.245	6.644.896.457.984
Tổng cộng	9.933.513.464.381	9.968.591.145.512	8.785.901.890.862	8.838.505.182.601
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.989.147.478.382	1.989.147.478.382	1.805.859.192.611	1.805.859.192.611
Chi phí phải trả	25.154.514.907	25.154.514.907	2.792.061.302	2.792.061.302
Các khoản vay	476.109.953.752	476.109.953.752	-	-
Tổng cộng	2.490.411.947.041	2.490.411.947.041	1.808.651.253.913	1.808.651.253.913

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số 5.
- Giá trị hợp lý của các khoản mục ngắn hạn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không có đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch thương mại và phi thương mại bằng đồng USD, Euro, Won Hàn Quốc, Ringit Malaysia, Rúp Nga và một số đồng ngoại tệ khác.

Công ty chịu rủi ro đối với biến động về tỷ giá hối đoái từ các giao dịch thương mại và phi thương mại của các đơn vị trong nội bộ Công ty. Biến động tỷ giá có thể làm mất vốn hoặc giảm kết quả hoạt động kinh doanh. Rủi ro tỷ giá của Công ty được kiểm soát và theo dõi chặt chẽ hàng ngày trên cơ sở các hạn mức giao dịch và trạng thái cuối ngày và qua đêm.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.



Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các khoản ủy thác đầu tư và hợp tác đầu tư. Rủi ro tín dụng đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách thận trọng như trình bày tại Thuyết minh số 5 và số 8.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

12500
NG T
HIỆM T
OIT
T NA
C. TP

Số cuối năm	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.216.417.580.580	-	1.216.417.580.580
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.625.685.646.907	23.708.372.774	1.649.394.019.681
Đầu tư tài chính	6.016.310.353.419	1.051.391.510.701	7.067.701.864.120
Tổng cộng	8.858.413.580.906	1.075.099.883.475	9.933.513.464.381
Phải trả người bán và phải trả khác	1.955.625.474.180	33.522.004.202	1.989.147.478.382
Chi phí phải trả	25.154.514.907	-	25.154.514.907
Các khoản vay	230.000.000.000	246.109.953.752	476.109.953.752
Tổng cộng	2.210.779.989.087	279.631.957.954	2.490.411.947.041
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.647.633.591.819	795.467.925.521	7.443.101.517.340
Số đầu năm	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	706.885.123.558	-	706.885.123.558
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.463.649.371.545	23.074.229.514	1.486.723.601.059
Đầu tư tài chính	6.290.261.700.621	302.031.465.624	6.592.293.166.245
Tổng cộng	8.460.796.195.724	325.105.695.138	8.785.901.890.862
Phải trả người bán và phải trả khác	1.784.012.385.610	21.846.807.001	1.805.859.192.611
Chi phí phải trả	2.792.061.302	-	2.792.061.302
Tổng cộng	1.786.804.446.912	21.846.807.001	1.808.651.253.913
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.673.991.748.812	303.258.888.137	6.977.250.636.949

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm tồn tại tại các công ty con của Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Để đạt được mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm, các đơn vị đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Mối quan hệ

Chủ sở hữu
Cùng chủ sở hữu

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 21.

Các giao dịch khác với các bên liên quan trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Chi phí quản lý	6.990.285.881	7.397.414.248

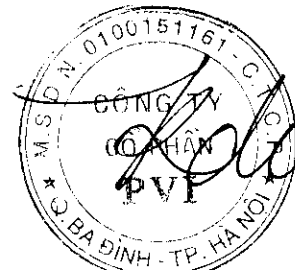
Số dư phải thu, phải trả các bên liên quan được trình bày tương ứng tại Thuyết minh số 6 và số 14.

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty được hưởng trong năm là 4.388.409.500 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.836.661.187 VND).

Hoàng Huy Hiệp
Người lập biểu

Trần Duy Cường
Kế toán trưởng



Phạm Khắc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 02 năm 2018